

UBND THÀNH PHỐ CAM RANH
TRƯỜNG TIỂU HỌC CAM LINH

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

KHÁNH HÒA - 2024

UBND THÀNH PHỐ CAM RANH
TRƯỜNG TIỂU HỌC CAM LINH

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
01	Văn Nhân	Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng	
02	Trần Quốc Duy	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch Hội đồng	
03	Phạm Thị Hoàng Thảo	Thư ký Hội đồng	Thư ký Hội đồng	
04	Phạm Thị Châu Long	Chủ tịch CĐCS	Ủy viên Hội đồng	
05	Nguyễn Đức Tuệ	Tổng phụ trách Đội	Ủy viên Hội đồng	
06	Nguyễn Thị Uyên Trinh	Tổ trưởng VP	Ủy viên Hội đồng	
07	Nguyễn Thị Xuân	Tổ trưởng CM 1	Ủy viên Hội đồng	
08	Trần Thị Phượng	Tổ trưởng CM 2	Ủy viên Hội đồng	
09	Lưu Thị Mộng Tuyền	Tổ phó CM 3	Ủy viên Hội đồng	
10	Trần Thị Vinh	Tổ trưởng CM 4	Ủy viên Hội đồng	
11	Nguyễn Thị Minh Hằng	Tổ trưởng CM 5	Ủy viên Hội đồng	

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	1
Danh mục các chữ viết tắt	3
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	4
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	6
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	12
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	12
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	18
I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3	18
Tiêu chuẩn 1	18
Mở đầu	18
Tiêu chí 1.1	18
Tiêu chí 1.2	20
Tiêu chí 1.3	22
Tiêu chí 1.4	24
Tiêu chí 1.5	27
Tiêu chí 1.6	28
Tiêu chí 1.7	30
Tiêu chí 1.8	32
Tiêu chí 1.9	34
Tiêu chí 1.10	35
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i>	38
Tiêu chuẩn 2	38
Mở đầu	38
Tiêu chí 2.1	39
Tiêu chí 2.2	41
Tiêu chí 2.3	44
Tiêu chí 2.4	45
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>	47
Tiêu chuẩn 3	47
Mở đầu	47

Tiêu chí 3.1	48
Tiêu chí 3.2	50
Tiêu chí 3.3	52
Tiêu chí 3.4	54
Tiêu chí 3.5	56
Tiêu chí 3.6	58
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	60
Tiêu chuẩn 4	60
Mở đầu	60
Tiêu chí 4.1	61
Tiêu chí 4.2	63
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	66
Tiêu chuẩn 5	66
Mở đầu	66
Tiêu chí 5.1	67
Tiêu chí 5.2	69
Tiêu chí 5.3	71
Tiêu chí 5.4	73
Tiêu chí 5.5	75
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	77
II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4	78
Tiêu chí 1	78
Tiêu chí 2	78
Tiêu chí 3	79
Tiêu chí 4	80
Tiêu chí 5	80
<i>Kết luận</i>	82
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	82
Phần IV. PHỤ LỤC	84

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Chữ viết tắt	Diễn giải
01	CB	Cán bộ
02	CBQL	Cán bộ quản lý
03	CĐSP	Cao đẳng sư phạm
04	CMHS	Cha mẹ học sinh
05	CQG	Chuẩn quốc gia
06	GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
07	GVCN	Giáo viên chủ nhiệm
08	GV	Giáo viên
09	HS	Học sinh
10	HĐ 68	Hợp đồng 68
11	NV	Nhân viên
12	TDP	Tổ dân phố
13	TĐG	Tự đánh giá
14	UBND	Ủy ban nhân dân

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

1.1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		X	X	0
Tiêu chí 1.2		X	X	/
Tiêu chí 1.3		X	X	0
Tiêu chí 1.4		X	X	0
Tiêu chí 1.5		X	X	/
Tiêu chí 1.6		X	X	0
Tiêu chí 1.7		X	X	/
Tiêu chí 1.8		X	X	/
Tiêu chí 1.9		X	X	/
Tiêu chí 1.10		X	X	/
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		X	X	0
Tiêu chí 2.2		X	X	0
Tiêu chí 2.3		X	X	0
Tiêu chí 2.4		X	X	0
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		X	X	0
Tiêu chí 3.2		X	X	0
Tiêu chí 3.3		X	X	0
Tiêu chí 3.4		X	X	/
Tiêu chí 3.5		X	X	0
Tiêu chí 3.6		X	X	0
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		X	X	0

Tiêu chí 4.2		X	X	0
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		X	X	/
Tiêu chí 5.2		X	X	X
Tiêu chí 5.3		X	X	X
Tiêu chí 5.4		X	X	X
Tiêu chí 5.5		X	X	X

Kết quả: Đạt Mức 2

1.2. Đánh giá theo Mức 4

Tiêu chí	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
Tiêu chí 1		X	
Tiêu chí 2		X	
Tiêu chí 3		X	
Tiêu chí 4		X	
Tiêu chí 5		X	

Kết quả: Không đạt Mức 4

2. Kết luận: Trường đạt Mức 2

Phần I
CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường: Trường Tiểu học Cam Linh

Cơ quan chủ quản: UBND thành phố Cam Ranh

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	Khánh Hòa	Họ và tên Hiệu trưởng	Văn Nhân
Huyện/quận /thị xã / thành phố	Cam Ranh	Điện thoại	(0258) 3855411
Xã /phường/thị trấn	Cam Linh	Fax	
Đạt chuẩn quốc gia	Mức độ 1	Website	gvth.net
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	7/2019	Số điểm trường	03
Công lập	X	Loại hình khác	
Tư thực		Thuộc vùng khó khăn	
Trường chuyên biệt		Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	
Trường liên kết với nước ngoài			

1. Số lớp học

Số lớp	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023
Khối lớp 1	3	5	5	5	5
Khối lớp 2	3	6	5	5	5
Khối lớp 3	2	6	6	5	5
Khối lớp 4	2	5	5	6	5
Khối lớp 5	2	5	5	5	6
Cộng	12	27	26	26	26

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Ghi chú
I	Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	19	36	36	36	36	
1	Phòng học	12	27	27	27	27	
a	Phòng kiên cố	12	27	27	27	27	
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
2	Phòng học bộ môn	5	6	6	6	6	
a	Phòng kiên cố	5	6	6	6	6	
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
3	Khối phục vụ học tập	2	3	3	3	3	

a	Phòng kiên cố	2	3	3	3	3	
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
II	Khối phòng hành chính - quản trị	7	7	7	7	7	
1	Phòng kiên cố	7	7	7	7	7	
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
III	Thư viện	1	2	2	2	2	
IV	Các công trình, khối phòng chức năng khác (nếu có)	2	6	6	6	6	
1	Nhà bếp	0	1	1	1	1	
2	Khu vệ sinh	2	5	5	5	5	
Cộng		29	51	51	51	51	

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm TĐG

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			
				Trung cấp	Cao đẳng	Đại học	Trên Đại học
Hiệu trưởng	1		Kinh			1	
Phó hiệu trưởng	1		Kinh		1		
GV	37	35	Kinh		7	30	
NV	3	3	Kinh	2		1	
HĐ 68	5	2	Kinh				
Cộng	47	40		2	8	32	

b) Số liệu của 5 năm gần đây

TT	Số liệu	Năm học 2018 -2019	Năm học 2019 -2020	Năm học 2020 -2021	Năm học 2021 -2022	Năm học 2022 -2023
1	Tổng số GV	18	39	38	38	38
2	Tỷ lệ GV/lớp	1,50	1,44	1,46	1,46	1,46
3	Tỷ lệ GV/HS	0,057	0,054	0,051	0,048	0,047
4	Tổng số GV dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có)	01	03	02	02	02
5	Tổng số GV dạy giỏi cấp tỉnh trở lên	0	0	02	0	01

4. Học sinh

a) Số liệu chung

TT	Số liệu	Năm học 2018- 2019	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021- 2022	Năm học 2022- 2023	Ghi chú
1	Tổng số HS	314	719	734	787	797	
	- Nữ	164	366	361	377	371	
	- Dân tộc thiểu số	1	4	4	4	4	
	Khối lớp 1	87	132	154	171	158	
	Khối lớp 2	71	180	133	157	171	
	Khối lớp 3	51	143	181	134	157	
	Khối lớp 4	56	124	144	178	134	
	Khối lớp 5	49	140	122	147	177	
2	Tổng số tuyển	87	132	154	171	158	

	mới						
3	Học 2 buổi/ngày	314	719	734	787	797	
4	Bán trú	0	186	0	0	143	
5	Nội trú	0	0	0	0	0	
6	Bình quân số HS/lớp học	314/12lớp p 26,16	719/27lớp p 26,62	734/26lớp p 28,23	787/26lớp p 30,27	797/26lớp p 30,65	
7	Số lượng và tỷ lệ % đi học đúng độ tuổi	311/314 99,0%	715/719 99,4%	730/734 99,5%	780/787 99,1%	770/797 96,6%	
8	Tổng số HS giỏi huyện/tỉnh (nếu có)	0	0	0	0	0	
9	Tổng số học giỏi quốc gia (nếu có)	0	0	0	0	0	
10	Tổng số HS diện chính sách	06	15	21	20	27	
	- Nữ	03	11	11	09	09	
	- Dân tộc thiểu số	01	03	04	04	04	
11	Tổng số HS (trẻ em) có hoàn cảnh đặc biệt	01	02	02	02	02	

b) Công tác phổ cập giáo dục tiểu học và kết quả giáo dục

Số liệu	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023
Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1	84/86 97,7%	132/132 100%	154/154 100%	171/171 100%	156/156 100%
Tỷ lệ HS hoàn thành chương trình lớp học	314/314 100%	719/719 100%	734/734 100%	787/787 100%	795/795 100%
Tỷ lệ HS hoàn thành chương trình tiểu học	49/49 100%	140/140 100%	123/123 100%	147/147 100%	176/176 100%
Tỷ lệ HS 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học	47/49 95,9%	140/140 100%	122/123 99,20%	147/147 100%	173/176 98,30%
Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học	49/49 100%	140/140 100%	123/123 100%	147/147 100%	176/176 100%

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

Để thực hiện sứ mệnh giáo dục của nhà trường “Tạo dựng được môi trường giáo dục đoàn kết, thân thiện, lành mạnh, kỷ cương, phát huy tính sáng tạo, năng lực tư duy độc lập cho mỗi HS, tự tin bước vào bậc học trung học cơ sở”, các giải pháp có tính khả thi lâu dài cốt lõi là nâng cao chất lượng giáo dục nhằm đáp ứng mục tiêu phát triển giáo dục, tìm ra những điểm mạnh, điểm yếu và nguyên nhân để có các giải pháp phù hợp, từng bước đổi mới căn bản, toàn diện, nâng cao chất lượng giáo dục.

Vì thế, nhà trường tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục theo các chuẩn quy định tại Thông tư 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ GD&ĐT Ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt CQG đối với trường tiểu học.

1. Tình hình chung của nhà trường

Trường Tiểu học Cam Linh sát nhập bởi trường Tiểu học Cam Linh 1 và Tiểu học Cam Linh 2 từ năm học 2019 – 2020 theo Quyết định số 1446/QĐ-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2019 của UBND thành phố Cam Ranh. Trường Tiểu học Cam Linh có 03 điểm trường:

- Điểm trường A: Tọa lạc tại 74 Quang Trung, TDP Linh Xuân, phường Cam Linh. Diện tích khuôn viên 3.248 m². Tổng diện tích xây dựng 1.712 m².

- Điểm trường B: Tọa lạc tại đường Nguyễn Trãi, TDP Linh Xuân, phường Cam Linh. Diện tích khuôn viên 2.025,6 m². Tổng diện tích xây dựng 890 m².

- Điểm trường C: Tọa lạc tại số 599 đường 3/4, TDP Linh Phú, phường Cam Linh. Diện tích khuôn viên 2.499,7 m². Tổng diện tích xây dựng 896 m².

Trong công tác xây dựng trường CQG, Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, UBND phường và các tổ chức đoàn thể xã hội cùng với Ban đại diện CMHS thực hiện tốt chủ trương “Giáo dục là sự nghiệp của toàn dân” nên luôn quan tâm và hỗ trợ cho nhà trường về nhiều mặt.

Trong những năm qua, Trường Tiểu học Cam Linh được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo thành phố đã đầu tư xây dựng cơ sở vật chất tại các điểm trường đã xuống cấp.

Hiện nay, toàn thể CB, GV, NV và HS Trường Tiểu học Cam Linh luôn cố gắng phấn đấu, hoàn thiện, duy trì vững chắc kết quả đã đạt được của trường CQG mức độ 1, làm nền tảng để tiến tới xây dựng trường tiểu học đạt CQG mức độ 2.

Tổ chức CB, GV, NV, trình độ đào tạo

Tại thời điểm đánh giá, tổng số CB, GV, NV là 47/40 nữ. Trong đó:

CBQL: 02/0 nữ (Đại học sư phạm: 01);

GV giảng dạy: 37/35 nữ (Đại học sư phạm: 30, Cao đẳng sư phạm: 07);

NV: 08/05 nữ (01 NV Y tế có trình độ Trung cấp, 01 NV Thư viện có trình độ Cao đẳng, 01 NV Kế toán có trình độ Đại học, 03 NV Bảo vệ và 02 NV Phục vụ HĐ 68 (nay là Nghị định 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ);

Đội ngũ CBQL nhiệt tình, có năng lực quản lý;

Tập thể GV đều có tinh thần trách nhiệm trong công tác được giao, có ý thức tự học tự rèn, có tay nghề vững vàng. Hiện nay, toàn trường có 21 GV được công nhận là GV dạy giỏi cấp trường và 07 GV được công nhận là GV dạy giỏi cấp Thành phố, 03 GV được công nhận là GV dạy giỏi cấp Tỉnh.

Quy mô trường, lớp

Năm học 2023-2024, toàn trường có 25 lớp (mỗi khối có 5 lớp) với tổng số 777 HS/358 nữ, cả 25 lớp đều học 2 buổi/ngày, đạt tỷ lệ 100%; HS tham gia bán trú theo nhu cầu của CMHS với tổng số HS là 143 hs.

Trường có đủ các phòng phục vụ học tập như phòng Giáo dục nghệ thuật, phòng Giáo dục thể chất, phòng Tư vấn tâm lý học đường, phòng Bồi dưỡng HS năng khiếu, phòng Ngoại ngữ, phòng Thư viện -Thiết bị, phòng Đội và có đủ các phòng hành chính quản trị có phòng Hiệu trưởng, phòng Phó hiệu trưởng, phòng Giáo viên, phòng Hợp, phòng Y tế học đường, Văn phòng, phòng Thường trực bảo vệ.

Cơ sở vật chất

Trường có 27 phòng học và 06 phòng học bộ môn; trang thiết bị đầy đủ, mỗi phòng học đều có tủ đựng thiết bị và đồ dùng dạy học; có sân chơi, bãi tập thoáng mát, đảm bảo diện tích. Nhìn chung, cơ sở vật chất của nhà trường đã đáp ứng đầy đủ cho nhu cầu dạy học của GV và HS; có khối dãy phòng phục vụ công tác bán trú (tại điểm B).

Diện tích khuôn viên nhà trường đủ chuẩn quy định. Cụ thể:

- Điểm A: 3.248,0m²; điểm B: 2.025,6m²; điểm C: 2.499,7m²

Diện tích xây dựng 3 điểm trường:

- Điểm A: 1.712,0m²; điểm B: 890,0m²; điểm C: 896,0m²

Diện tích sân chơi, bãi tập đủ tiêu chuẩn theo quy định. Cụ thể:

- Điểm A: 1.536,0m²; điểm B: 1.166,6m²; điểm C: 1.603,7m²

Đạt m²/HS ở 3 điểm trường như sau: (lấy sĩ số HS năm học 2022-2023)

+ Điểm A: 1.536,0m²/301HS (đạt tỷ lệ 5,1m²/HS);

+ Điểm B: 1.166,6m²/297HS (đạt tỷ lệ 3,9m²/HS);

+ Điểm C: 1.603,7m²/199HS (đạt tỷ lệ 8,0m²/HS).

Nhà trường có đủ tài liệu, sách báo, trang thiết bị để phục vụ cho việc giảng dạy của GV, học tập của HS và các hoạt động giáo dục khác.

Công tác tổ chức, quản lý tài chính, nhà trường thực hiện theo chế độ hiện hành và sử dụng hợp lý đạt hiệu quả. Từng năm học, nhà trường phối hợp chặt chẽ với các ban, ngành đoàn thể địa phương, nhất là Ban đại diện CMHS đã hỗ trợ cả tinh thần lẫn vật chất. Do vậy, cơ sở vật chất của nhà trường ngày càng đầy đủ, tạo điều kiện thuận lợi cho việc sinh hoạt và học tập của các em HS.

Chất lượng giáo dục

Với sự quyết tâm phấn đấu, vượt khó, phát huy sức mạnh tập thể của nhà trường, trong 5 năm học vừa qua, từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023 chất lượng giáo dục của nhà trường luôn ổn định và được nâng cao theo hàng năm.

Liên đội thường xuyên tổ chức hoạt động giáo dục có hiệu quả, phấn đấu giữ vững đạt Liên đội Mạnh. Phong trào thể dục thể thao luôn được nhà trường quan tâm đầu tư về chất lượng và hình thức.

Trong bối cảnh hiện tại, trường có những khó khăn từng mặt như sau:

- Về cơ sở vật chất: Cơ sở vật chất có đủ các phòng học để dạy 2 buổi/ngày, được trang bị bên trong đầy đủ các phương tiện để phục vụ cho dạy và học; trường đã bố trí đủ các phòng chức năng. Tuy nhiên, sân chơi bãi tập của HS cũng chỉ được cải tạo dùng để tập thể dục. Nhà trường cần thay thế một số bộ bàn ghế chưa đúng quy cách.

- Về tài chính: Kinh phí được cấp hằng năm chỉ đủ trả lương và các khoản chi khác như văn phòng phẩm, điện, nước. Muốn xây dựng, mua sắm, sửa chữa lớn đều phải lập dự toán để UBND thành phố Cam Ranh cấp kinh phí hoặc vận động tình thân hỗ trợ của CMHS.

- Về quản lý chất lượng: Chất lượng giáo dục của nhà trường trong 5 năm gần đây rất ổn định, được cha mẹ HS tin tưởng. Tuy nhiên, đời sống của nhân dân còn nhiều khó khăn: có một số gia đình việc làm không ổn định, đời sống khó khăn, ít quan tâm đến việc học tập của con em. Ngoài ra các em còn phải lao động thêm phụ giúp gia đình; một số HS thuộc diện hộ nghèo không đủ tiền mua sắm dụng cụ học tập, trường và Ban đại diện CMHS phải giúp đỡ, hỗ trợ thêm. Do ảnh hưởng của dịch Covid -19 trong thời gian qua đã làm ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục của nhà trường.

2. Mục đích TĐG

Trong công cuộc công nghiệp hoá và hiện đại hóa đất nước, giáo dục giữ một vị trí quan trọng trong việc nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, góp phần vào xây dựng một nền kinh tế trí thức. Hiện nay, hoạt động của nhà trường đang phải đối mặt với khó khăn và thách thức mới, nhất là tình trạng chất lượng giáo dục chưa đáp ứng mục tiêu giáo dục đề ra và yêu cầu về phát triển kinh tế - xã hội. Vì vậy việc kiểm định và tự đánh giá là yêu cầu thiết thực của các nhà trường trong giai đoạn hiện nay.

TĐG là nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng giáo dục ở trường phổ thông, tự đánh giá là tự kiểm tra lại công việc và tiến trình mà nhà trường đã thực hiện, kiểm tra lại kết quả đạt được đến mức độ nào. Việc TĐG sẽ tạo động lực thúc đẩy cho hoạt động và tiến trình thực hiện công tác giáo dục của nhà trường đạt chất lượng

ngày càng cao hơn và hoàn thiện hơn. Vì vậy công tác TĐG ở trường phổ thông là điều cần thiết cần phải làm, điều đó giúp cho nhà trường xây dựng kế hoạch hoạt động cho những năm tiếp theo.

3. Quy trình TĐG

- Thành lập Hội đồng TĐG;
- Xác định mục đích, phạm vi TĐG;
- Xây dựng kế hoạch TĐG;
- Thu thập, xử lý và phân tích các thông tin, minh chứng;
- Đánh giá mức độ đạt được của từng tiêu chí;
- Viết báo cáo TĐG;
- Công bố báo cáo TĐG.

4. Phương pháp và công cụ đánh giá

- Chủ tịch Hội đồng triển khai kế hoạch, quy trình TĐG; yêu cầu các nhóm, cá nhân phối hợp thực hiện:

+ Xây dựng kế hoạch TĐG của nhóm; thu thập thông tin, minh chứng; rà soát các hoạt động giáo dục, đối chiếu, so sánh kết quả tự đánh giá với các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục do Bộ GD&ĐT ban hành; đánh giá điểm mạnh, điểm yếu. Từ đó có đề xuất biện pháp cải tiến chất lượng để đạt được nội dung tiêu chí;

+ Viết Phiếu đánh giá tiêu chí, nhóm thư ký chỉnh sửa, tổng hợp thành Báo cáo TĐG;

+ Hội đồng TĐG làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và thảo luận để đi đến thống nhất; mọi quyết định có giá trị khi ít nhất 2/3 số thành viên trong Hội đồng tự đánh giá nhất trí.

- Công cụ: Sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường tiểu học do Bộ GD&ĐT ban hành kèm các công văn có liên quan.

- Qua kết quả TĐG, hội đồng nhà trường sẽ xem xét trường đã đạt được tiêu chí, tiêu chuẩn, mức độ nào. Từ đó có biện pháp cải tiến, điều chỉnh các nguồn lực nhằm nâng cao chất lượng giáo dục đáp ứng yêu cầu đề ra.

- Những lợi ích nhà trường sẽ thu được:

+ Tất cả CB, GV, NV thấy rõ mức chất lượng đạt được của đơn vị mình. Từ đó có trách nhiệm tham mưu đề xuất với các cấp cần quan tâm hỗ trợ giúp đỡ; đối với bản thân thì tiếp tục phát huy thế mạnh và khắc phục những yếu kém.

+ Các cấp quản lý cấp trên thấy được thực trạng của trường, có kế hoạch đầu tư xây dựng về cơ sở vật chất, trang thiết bị, đầu tư đội ngũ; nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng, nâng cao đội ngũ để đạt hiệu quả chất lượng giáo dục.

5. Kết quả đánh giá và những vấn đề nổi bật trong báo cáo TĐG

Trong quá trình tự xem xét đánh giá, trường nhận thấy đa số các mặt hoạt động của trường đều đạt kết quả tốt so với tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT ban hành:

- Về tổ chức và quản lý trường có đủ bộ máy quản lý, các tổ chức Đảng, đoàn thể, các hội đồng tư vấn, các tổ chuyên môn, quy mô trường lớp, công tác đào tạo, bồi dưỡng đều đảm bảo chuẩn và trên chuẩn về số lượng; triển khai các hoạt động giáo dục, đoàn kết với địa phương, được nhân dân, địa phương tin yêu và giúp đỡ.

- Các hoạt động giáo dục đều đảm bảo có kế hoạch và thực hiện đầy đủ, có chất lượng. Trường luôn cải tiến để nâng cao chất lượng giáo dục, các phong trào thi đua mũi nhọn: GV dạy giỏi, HS có năng khiếu, hoạt động ngoài giờ, phổ cập giáo dục tiểu học; kết quả giáo dục luôn ổn định và từng bước nâng cao, chất lượng giáo dục HS ngày càng có nhiều tiến bộ.

- Uy tín của nhà trường trong việc quản lý, điều hành ngày một nâng cao; hiệu quả chất lượng giáo dục được xã hội hoan nghênh, ủng hộ; CMHS và nhân dân an tâm, mong muốn khi gửi con theo học tại trường.

Tuy nhiên vấn đề cơ sở vật chất, trang thiết bị của nhà trường so với chuẩn cần phải có sự đầu tư nhiều hơn.

Vấn đề nổi bật trong quá trình TĐG là sự làm việc có trách nhiệm của đa số CB, GV, NV trong việc nghiên cứu, tìm minh chứng để đánh giá. Qua công việc này, GV mới thấy được khó khăn và sự năng động của nhà trường trong quản lý điều hành các hoạt động giáo dục, sự phối hợp với các đoàn thể, chính quyền địa phương, tham mưu với Đảng, Ban đại diện CMHS quan tâm tạo điều kiện cho trường; sự năng nổ của các bộ phận phục vụ chăm lo từng việc để có cảnh quan trường học xanh sạch đẹp, phục vụ cho giảng dạy; tập thể thấy được bước tiến vững chắc của

nhà trường về chất lượng các hoạt động giáo dục và hiệu quả đào tạo. Bên cạnh đó, tập thể cũng thấy được những mặt yếu kém, tồn tại cùng tìm biện pháp khắc phục, cải tiến chất lượng để sớm đạt được các tiêu chuẩn do Bộ GD&ĐT ban hành theo Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ GD&ĐT Ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt CQG.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu:

Tổ chức và quản lý nhà trường là vấn đề lớn có tính chất bao hàm, là một khâu quan trọng mang tính khoa học trong việc quản lý, điều hành mọi hoạt động giáo dục, quyết định toàn bộ cấu trúc và hoạt động giáo dục của nhà trường. Việc tổ chức và quản lý của trường Tiểu học Cam Linh chặt chẽ theo đúng các quy định về nhiệm vụ và quyền hạn của Điều lệ trường tiểu học. Nhà trường cơ cấu đầy đủ các tổ chức, bộ phận. Từng tổ chức, bộ phận có nhiệm vụ, chức năng cụ thể, hoạt động vừa độc lập theo Điều lệ, quy chế của tổ chức, bộ phận mình vừa phối hợp với nhau để hoàn thành tốt nhiệm vụ chung của trường. Dưới sự lãnh đạo của Chi bộ đảng và sự chỉ đạo chính quyền nhà trường, mọi hoạt động giảng dạy, học tập và các hoạt động khác đều được tổ chức thực hiện chặt chẽ, dân chủ, công khai tạo thành một guồng máy hoạt động đồng bộ, có hiệu quả.

Tiêu chí 1.1. Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) Phù hợp mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng Giáo dục và Đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường đã xây dựng Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2025 tầm nhìn đến năm 2030. Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật Giáo dục, định hướng phát triển kinh tế-xã hội của phường Cam Linh và các nguồn lực của nhà trường theo từng giai đoạn [H1-1.1-01]; [H1-1.1-02];

Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường được xác định bằng văn bản và được Phòng GD&ĐT thành phố Cam Ranh phê duyệt [H1-1.1-01]; [H1-1.1-03];

Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường được phổ biến công khai đến CBQL, GV, NV, HS, CMHS và cộng đồng bằng nhiều hình thức, như: thông qua cuộc họp Hội đồng sư phạm [H1-1.1-04]; niêm yết tại bảng Công khai [1.1-05] và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của nhà trường [1.1-06].

Mức 2:

Để triển khai, giám sát việc thực hiện Phương hướng, chiến lược phát triển, nhà trường đã xây dựng Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học để cụ thể hóa các chỉ tiêu, kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường cho từng năm học [H1-1.1-07]. Cuối năm học, Hội đồng trường tổ chức đánh giá, tổng kết việc thực hiện Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường, điều chỉnh, bổ sung kịp thời cho phù hợp với thực tế địa phương và của nhà trường [H1-1.1-08].

Mức 3:

Cuối mỗi năm học, nhà trường có tổ chức rà soát, bổ sung, điều chỉnh Kế

hoạch chiến lược phát triển nhà trường [H1-1.1-08]. Việc tổ chức xây dựng, rà soát, bổ sung, điều chỉnh Kế hoạch chiến lược có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường, CBQL, GV, NV nhưng sự tham gia của CMHS và cộng đồng còn hạn chế.

2. Điểm mạnh

Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường phù hợp với mục tiêu giáo dục, định hướng phát triển của địa phương và các nguồn lực của nhà trường, được Phòng GD&ĐT thành phố Cam Ranh phê duyệt, được phổ biến công khai trong Hội đồng sư phạm nhà trường, CMHS và cộng đồng. Hằng năm, nhà trường có tổ chức rà soát, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch chiến lược cho phù hợp với thực tế.

3. Điểm yếu

Việc tổ chức xây dựng, rà soát, bổ sung, điều chỉnh Kế hoạch chiến lược với sự tham gia của CMHS và cộng đồng còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2023-2024, thông qua các cuộc họp CMHS, Hiệu trưởng và các GVCN phối hợp với Ban đại diện CMHS cấp trường, cấp lớp tổ chức lấy ý kiến đóng góp xây dựng, bổ sung, điều chỉnh Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường cho phù hợp với tình hình thực tế hằng năm.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.2. Hội đồng trường và các hội đồng khác

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;*
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;*
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.*

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có Hội đồng trường, Hội đồng Thi đua khen thưởng và các hội đồng khác, như: Hội đồng Tự đánh giá; Hội đồng sáng kiến; Hội đồng kiểm tra, đánh

giá HS; Hội đồng tư vấn tâm lý học đường; Hội đồng tuyển sinh lớp 1. Hội đồng trường có 11 thành viên do UBND thành phố Cam Ranh ra quyết định kiện toàn. Hội đồng Thi đua, khen thưởng có 11 thành viên do Hiệu trưởng nhà trường thành lập. Các Hội đồng tư vấn khác do Hiệu trưởng ra quyết định thành lập vào đầu mỗi năm học và khi có yêu cầu công việc thực hiện [H1-1.2-01]; [H1-1.2-02]; [H1-1.2-03]; [H1-1.2-04]; [H1-1.2-05]; [H5-5.4-02];

Hội đồng trường, Hội đồng Thi đua khen thưởng và các hội đồng tư vấn khác thực hiện đúng theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Điều lệ Trường tiểu học và các văn bản hướng dẫn của cấp trên. Hoạt động của các hội đồng có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường [H1-1.2-01]; [H1-1.2-02]; [H1-1.2-03]; [H1-1.2-04]; [H1-1.2-05];

Hội đồng trường, Hội đồng Thi đua khen thưởng và các hội đồng khác hoạt động theo kế hoạch hằng năm của nhà trường. Sau mỗi năm học đều có sơ kết, tổng kết để rà soát các công việc nhằm rút kinh nghiệm, đánh giá phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị [H1-1.2-01]; [H1-1.2-02]; [H1-1.2-03]; [H1-1.2-04]; [H1-1.2-05].

Mức 2:

Hằng năm, Hội đồng trường đã quyết nghị phương hướng, kế hoạch các nhiệm vụ trọng tâm của nhà trường, huy động và giám sát việc sử dụng các nguồn lực dành cho nhà trường. Hội đồng Thi đua khen thưởng làm tốt công tác thi đua khen thưởng, nêu gương các điển hình tiên tiến. Hội đồng trường, Hội đồng Thi đua khen thưởng và các hội đồng khác hoạt động có hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường [H1-1.2-01]; [H1-1.2-02]; [H1-1.2-03]; [H1-1.2-04]; [H1-1.2-05]. Tuy nhiên nhân sự của Hội đồng trường thay đổi hằng năm, việc kiện toàn Hội đồng trường thuộc thẩm quyền của UBND thành phố nên có năm ra quyết định kiện toàn còn chậm, ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của Hội đồng trường.

2. Điểm mạnh

Hội đồng trường và các hội đồng khác được thành lập đầy đủ thành phần; thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Điều lệ Trường tiểu học và các quy định khác có liên quan; hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

3. Điểm yếu

Nhân sự của Hội đồng trường thay đổi hằng năm, việc kiện toàn Hội đồng trường có năm còn chậm, ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của Hội đồng trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2023-2024, Hiệu trưởng nhà trường rà soát, điều chỉnh cơ cấu tổ chức bộ máy của nhà trường nhằm tạo sự ổn định nhân sự cho Hội đồng trường trong từng nhiệm kỳ. Khi có sự thay đổi, Hiệu trưởng chủ động triển khai thực hiện quy trình bổ sung, thay thế nhân sự; tham mưu UBND thành phố Cam Ranh ra quyết định kiện toàn Hội đồng trường trong thời gian sớm nhất để Hội đồng trường hoạt động có hiệu quả cao hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.3. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

- a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;*
- b) Hoạt động theo quy định;*
- c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.*

Mức 2:

- a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;*
- b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.*

Mức 3:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;*
- b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có các tổ chức đoàn thể Công đoàn, Liên đội. Công đoàn cơ sở với 47 công đoàn viên; Ban Chấp hành Công đoàn gồm có Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch và 03 thành viên [H1-1.3-01]. Liên đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh gồm 10 Chi đội, 10 Sao nhi đồng; Ban chỉ huy liên đội gồm 15 đội viên [H1-1.3-02]. Ngoài ra, Trường còn có Ban đại diện CMHS với từ 7 - 9 thành viên [H1-1.3-03]. Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường đều có cơ cấu tổ chức theo quy định, điều lệ của từng tổ chức;

Các tổ chức, đoàn thể trong nhà trường có nhiệm vụ, chức năng cụ thể hoạt động vừa độc lập theo điều lệ, quy chế của mỗi tổ chức, đoàn thể vừa thực hiện theo Điều lệ trường tiểu học và quy chế làm việc của nhà trường, cùng phối hợp với nhau để hoàn thành tốt nhiệm vụ chung của nhà trường [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03];

Hằng năm, các tổ chức Công đoàn, Liên đội của nhà trường đều rà soát, đánh giá, sơ tổng kết các hoạt động theo nhằm phát huy điểm mạnh, khắc phục yếu điểm, nâng cao hiệu quả công việc. Từ đó xây dựng kế hoạch hoạt động phù hợp cho từng học kỳ, từng năm học [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02].

Mức 2:

Chi bộ trường Tiểu học Cam Linh trực thuộc Đảng bộ phường Cam Linh. Chi bộ có 25 đảng viên, có Chi ủy gồm 05 đồng chí. Hoạt động của Chi bộ hằng năm đều đảm bảo theo quy định của Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam. Từ năm 2019 đến năm 2023, Chi bộ liên tiếp được đánh giá Hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.3-04];

Trong những năm học qua, các tổ chức đoàn thể Công đoàn, Liên đội nhà trường đã tham gia, tổ chức nhiều hoạt động do Liên đoàn Lao động thành phố, Đoàn phường, Hội đồng Đội thành phố hướng dẫn như việc thăm và tặng quà 01 hộ gia đình chính sách (Liệt sỹ) gia đình cô Trần Thị Phương, phối hợp Đội Thiếu niên Tiền phong nhà trường và Đoàn Thanh niên phường Cam Linh thăm tặng quà 06 gia đình chính sách tại địa phương [H1-1.3-01]. Công đoàn, Liên đội phối hợp cùng nhà trường tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, tham quan dã

ngoại, kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm, đem lại hiệu quả thiết thực cho GV và HS, đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường [H1-1.3-02].

Mức 3:

Từ năm 2019 đến năm 2023, Chi bộ Đảng liên tiếp được đánh giá Hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.3-04];

Các tổ chức, đoàn thể tổ chức và tham gia nhiều hoạt động có ý nghĩa tích cực, đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]. Tuy nhiên đa số đoàn viên lại có con nhỏ nên chưa tham gia nhiều vào các hoạt động của cộng đồng.

2. Điểm mạnh

Chi bộ Đảng, tổ chức Công đoàn, Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh Trường Tiểu học Cam Linh có cơ cấu tổ chức theo quy định. Trong 5 năm liên, Chi bộ Đảng, Công đoàn cơ sở luôn đạt Hoàn thành tốt nhiệm vụ; Liên đội đạt Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

3. Điểm yếu

Đa số đoàn viên công đoàn có con nhỏ nên chưa tham gia nhiều vào các hoạt động của cộng đồng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2023-2024 trở đi, Nhà trường chủ động phối hợp với Công đoàn cơ sở nhà trường chọn những công đoàn viên trẻ, khỏe, năng nổ, nhiệt tình tham gia các hoạt động của cộng đồng nhiều hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.4. Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;*
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;*
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.*

Mức 2:

a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;

b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;

b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có Hiệu trưởng và 01 Phó hiệu trưởng [H1-1.4-01]; [H1-1.4-02]. Trường Tiểu học Cam Linh là trường hạng II, hiện nay nhà trường đủ nhân sự theo quy định của Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ GD&ĐT hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

Hằng năm, nhà trường đều thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng có cơ cấu đúng theo quy định của Điều lệ trường tiểu học. Nhà trường có 05 tổ chuyên môn và một tổ văn phòng, mỗi tổ đều có từ 08 thành viên trở lên [H1-1.4-03]. Các tổ chuyên môn đều có tổ trưởng, tổ phó để chỉ đạo và điều hành các hoạt động của tổ [H1-1.4-04];

Các tổ chuyên môn, tổ văn phòng đều có kế hoạch hoạt động theo năm, tháng, tuần; triển khai thực hiện các nhiệm vụ chung của nhà trường và nhiệm vụ của tổ có hiệu quả [H1-1.4-05].

Mức 2:

Hằng năm, các tổ chuyên môn đều tổ chức sinh hoạt chuyên đề theo kế hoạch chuyên môn đề ra, thường xuyên tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục [H1-1.4-06];

Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh. Các tổ chuyên môn sinh hoạt định kỳ 02 tuần/lần, tổ văn phòng sinh hoạt mỗi tháng một lần. Ngoài ra còn có các lần sinh hoạt khác khi cần, như: kiểm tra, đánh giá chất lượng và hiệu quả công việc của các thành viên trong tổ, công tác giáo dục HS, họp đánh giá viên chức, đánh giá chuẩn nghề nghiệp GV, bình xét thi đua, đề xuất khen thưởng [H1-1.4-07]; [H1-1.4-08].

Mức 3:

Hàng năm, các tổ chuyên môn và tổ văn phòng đều xây dựng kế hoạch hoạt động theo quy định, định kỳ có tổ chức kiểm tra, đánh giá chất lượng hoạt động của các thành viên trong tổ. Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường [H1-1.4-07]; [H1-1.4-08]. Tuy nhiên nhà trường vẫn còn một số thành viên của tổ văn phòng chưa chủ động trong công việc được giao, chưa đóng góp tích cực vào các hoạt động chung của nhà trường;

Các tổ chuyên môn tổ chức triển khai và thực hiện hiệu quả các chuyên đề về chuyên môn, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục qua các hội thi GV dạy giỏi cấp trường, GVCN giỏi cấp trường [H1-1.4-06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường cơ cấu các tổ chuyên môn, tổ văn phòng theo quy định tại Điều lệ trường tiểu học. Các tổ đã xây dựng kế hoạch hoạt động và thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao. Các tổ chuyên môn đã tổ chức triển khai và thực hiện hiệu quả các chuyên đề về chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

3. Điểm yếu

Một số thành viên của tổ văn phòng đôi khi chưa chủ động trong công việc, tham gia vào các hoạt động chung của nhà trường còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2023-2024 và những năm học tiếp theo, nhà trường chỉ đạo tổ trưởng tổ văn phòng, căn cứ vào quyết định phân công nhiệm vụ chuyên môn Hàng năm, xây dựng quy chế hoạt động của tổ, phân công trách nhiệm cụ thể của từng thành viên, thường xuyên theo dõi, kiểm tra, nhắc nhở các thành viên trong tổ chủ

động thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, góp phần mang lại hiệu quả tích cực cho các hoạt động chung của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.5. Khối lớp và tổ chức lớp học

Mức 1:

- a) Có đủ các khối lớp cấp tiểu học;*
- b) Học sinh được tổ chức theo lớp học; lớp học được tổ chức theo quy định;*
- c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.*

Mức 2:

- a) Trường có không quá 30 (ba mươi) lớp;*
- b) Sĩ số học sinh trong lớp theo quy định;*
- c) Tổ chức lớp học linh hoạt và phù hợp với các hình thức hoạt động giáo dục.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường có đủ các khối lớp của cấp tiểu học từ lớp 1 đến lớp 5 [H1-1.5-01];

HS của trường được biên chế theo lớp học; lớp học được tổ chức theo quy định của Điều lệ trường tiểu học. Mỗi lớp học đều có lớp trưởng, lớp phó. HS trong lớp được chia thành các tổ, mỗi tổ có tổ trưởng, tổ phó. Lớp trưởng, lớp phó, tổ trưởng, tổ phó đều do HS trong lớp, trong tổ bầu lên dưới sự hướng dẫn của GVCN [H1-1.5-02];

Các hoạt động của lớp học được thực hiện theo nguyên tắc tự quản, dân chủ và hợp tác. GVCN đã tổ chức tốt các tiết sinh hoạt lớp nhằm giúp các em chủ động thảo luận, tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ, của lớp [H1-1.5-02]; [H1-1.5-03]; [H1-1.5-04].

Mức 2:

Trường có 05 khối với 25 lớp. Trong đó, khối lớp có 05 lớp [H1-1.5-01];

Trường có 772 HS. Các lớp có sĩ số HS từ 30-35 em. Số HS bình quân của các lớp là 30,8HS/lớp. Do trường có 03 điểm trường cách xa nhau nên việc biên chế số HS tại các điểm trường không đồng đều [H1-1.5-01];

Trong từng năm học, nhà trường đã chỉ đạo GVCN tổ chức các hoạt động giáo dục trong lớp học một cách linh hoạt, phù hợp với các hình thức dạy học và điều kiện thực tế của nhà trường [H1-1.5-02]; [H1-1.5-03]; [H1-1.5-04].

2. Điểm mạnh

Trường có đủ các khối lớp từ lớp 1 đến lớp 5 và đảm bảo số lượng theo quy định. Lớp học được tổ chức linh hoạt, phù hợp với các hình thức hoạt động giáo dục và điều kiện thực tế của nhà trường.

3. Điểm yếu

Do trường có 03 điểm trường cách xa nhau nên việc biên chế số HS tại các điểm trường không đồng đều.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng phân công GV điều tra chính xác số trẻ trong độ tuổi ra lớp theo khu dân cư để có kế hoạch biên chế lớp cho phù hợp sĩ số HS.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.6. Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

- a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;*
- b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và cơ sở vật chất; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;*
- c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.*

Mức 2:

- a) Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;*
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.*

Mức 3:

Có kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có hệ thống hồ sơ theo quy định Điều lệ trường tiểu học: Sổ đăng bộ; Học bạ; Sổ tổng hợp kết quả đánh giá giáo dục của lớp; Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường [H1-1.1-01] và kế hoạch thực hiện nhiệm vụ theo từng năm học [H1-1.1-07]; Sổ quản lý CB, GV, NV [H1-1.6-01]; Hồ sơ phổ cập giáo dục; Hồ sơ quản lý tài chính, tài sản [H1-1.6-02]; [H1-1.6-03]; Sổ quản lý các văn bản [H1-1.6-04]; Hồ sơ giáo dục HS khuyết tật học hòa nhập [H1-1.6-05]. Ngoài ra còn có các hồ sơ theo đầu công việc phục vụ cho công tác quản lý và giáo dục. Nhà trường có Quyết định ban hành danh mục hồ sơ sử dụng trong nhà trường [H1-1.6-06]. Hồ sơ của nhà trường được lưu trữ tại phòng làm việc của từng viên chức phụ trách [1.6-07];

Hằng năm, nhà trường đều lập dự toán tài chính và được Phòng Tài chính - Kế hoạch phê duyệt; thực hiện thu chi, quyết toán có đầy đủ chứng từ hợp lệ, đúng nguyên tắc tài chính; thực hiện thống kê, báo cáo tài chính và tài sản kịp thời [H1-1.6-02]; [H1-1.6-03]; định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản và công khai kịp thời theo quy định [H1-1.6-08]; [H1-1.6-09]; triển khai xây dựng, điều chỉnh, bổ sung, cập nhật Quy chế chi tiêu nội bộ cho phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành [H1-1.6-10];

Nhà trường sử dụng có hiệu quả và đúng mục đích nguồn tài chính được cấp; bảo quản và sử dụng tốt cơ sở vật chất hiện có để phục vụ các hoạt động giáo dục của nhà trường [H1-1.6-02]; [H1-1.6-03].

Mức 2:

Nhà trường đã ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản qua hệ thống cơ sở dữ liệu ngành giáo dục; phần mềm quản lý CB, viên chức PSC HRM; các phần mềm quản lý tài chính, quản lý tài sản,

quản lý thuế [1.6-11]. Việc ứng dụng công nghệ thông tin đã góp phần làm cho công tác quản lý của nhà trường kịp thời, chính xác, thuận tiện và khoa học;

Trong 05 năm liên tiếp, nhà trường không vi phạm các công tác liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của các cơ quan thanh tra, kiểm toán [H1-1.6-12].

Mức 3:

Nhà trường đã lập dự toán ngân sách giai đoạn 2021-2025 [H1-1.6-13] nhưng chưa có kế hoạch tài chính dài hạn và trung hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp, phù hợp với điều kiện nhà trường và thực tế ở địa phương.

2. Điểm mạnh

Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ đầy đủ. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường đã mang lại hiệu quả thiết thực.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa có kế hoạch tài chính dài hạn và trung hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp, phù hợp với điều kiện nhà trường và thực tế ở địa phương.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm 2024, Hiệu trưởng tham mưu với chính quyền địa phương, Phòng GD&ĐT, phối hợp với Ban đại diện CMHS xây dựng Kế hoạch tài chính trung hạn và dài hạn để huy động các nguồn tài chính hợp pháp, phù hợp với điều kiện nhà trường và ở thực tế địa phương nhằm phát triển công tác giáo dục của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.7. Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả các hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hằng năm, nhà trường có xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ CBQL, GV, NV [H1-1.7-01]; có kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên cho CBQL và GV; 100% CBQL, GV hoàn thành chương trình bồi dưỡng thường xuyên theo kế hoạch [H1-1.7-02];

Hằng năm, Hiệu trưởng nhà trường đều ban hành Quyết định phân công nhiệm vụ chuyên môn cho CBQL, GV, NV. Việc phân công, sử dụng và quản lý đội ngũ CBQL, GV, NV rõ ràng, dân chủ, phù hợp với trình độ, năng lực của mỗi người và đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường; góp phần xây dựng môi trường văn hóa, nâng cao quy tắc ứng xử trường học [H1-1.7-03]; [H1-1.7-04];

CBQL, GV và NV nhà trường được đảm bảo quyền lợi chính đáng theo quy định như: chế độ làm việc, nghỉ ngơi; chế độ về lương, thưởng, thâm niên, các chế độ bảo hiểm xã hội [H1-1.6-02]. Do kinh phí còn hạn hẹp nên việc khám sức khỏe định kỳ cho CBQL, GV, NV chưa được duy trì thường xuyên.

Mức 2:

Hằng năm, nhà trường có xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ CBQL, GV, NV [H1-1.7-01]; thực hiện công tác kiểm tra nội bộ theo kế hoạch để kịp thời chấn chỉnh những sai phạm, đồng thời phát huy năng lực của CBQL, GV, NV trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục [H1-1.7-05].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ CBQL, GV, NV được phân công nhiệm vụ cụ thể, dân chủ, phù hợp với trình độ, năng lực của mỗi người và đảm bảo mục tiêu của nhà trường; được đảm bảo các quyền theo quy định.

3. Điểm yếu

Do kinh phí còn hạn hẹp nên việc khám sức khỏe định kỳ cho CBQL, GV, NV chưa được duy trì thường xuyên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, nhà trường đề nghị Hội đồng trường điều chỉnh Quy chế chi tiêu nội bộ; chỉ đạo NV kế toán cân đối các nguồn tài chính hiện có, thực hiện tiết kiệm chi để tạo nguồn kinh phí khám sức khỏe định kỳ cho CBQL, GV, NV 2 năm/ lần. Công đoàn cơ sở vận động CBQL, GV, NV cùng đóng góp kinh phí để khám sức khỏe cho bản thân theo định kỳ.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.8. Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Năm học 2023-2024, nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục theo định hướng của Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/ 2006 của Bộ GD&ĐT về Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học đối với lớp 5 và Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT về Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 1, 2, 3, 4; xây dựng và tổ chức hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm gồm: hoạt động ngoại khoá, hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao và các hoạt động xã hội khác... nhằm rèn luyện đạo đức, phát triển năng lực, bồi dưỡng năng khiếu phù hợp đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi HS. Kế hoạch giáo dục của nhà trường phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và nhà trường [H1-1.8-01];

Kế hoạch giáo dục được nhà trường triển khai thực hiện đầy đủ, có hiệu quả thông qua kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học, kế hoạch tháng của nhà trường, đáp ứng được mục tiêu đề ra [H1-1.1-07]; [1.8-02]. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện các hoạt động giáo dục, một số GV, NV chưa chủ động trong công việc;

Trong năm học, nhà trường đã thực hiện công tác kiểm tra, đánh giá các hoạt động giáo dục thường xuyên [H1-1.7-05]. Nhà trường tiến hành rà soát, đánh giá, điều chỉnh Kế hoạch giáo dục theo tình hình thực tế. Đặc biệt, trong bối cảnh ảnh hưởng của dịch bệnh Covid -19, nhà trường chủ động, linh hoạt xây dựng kế hoạch thực hiện nội dung chương trình năm học 2021-2022; 2022-2023; 2023-2024 phù hợp với khung thời gian dạy học theo hướng dẫn của Sở GD&ĐT Khánh Hoà; phù hợp với thực tế của nhà trường và địa phương. Nhà trường chỉ đạo các tổ chuyên môn xây dựng các phương án hợp lý cho tất cả các đối tượng HS, đảm bảo mọi HS đều được tham gia học tập [H1-1.8-02]; [H1-1.8-03].

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục được Phòng GD&ĐT Cam Ranh đánh giá đạt hiệu quả, được cấp trên công nhận và khen thưởng [H1-1.8-04]; [H1-1.8-05].

2. Điểm mạnh

Kế hoạch giáo dục được nhà trường xây dựng và triển khai thực hiện đầy đủ, có hiệu quả. Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả cao.

3. Điểm yếu

Trong quá trình thực hiện các hoạt động giáo dục, một số GV, NV chưa chủ động trong công việc.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2023-2024, Phó Hiệu trưởng tăng cường công tác chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các hoạt động giáo dục của GV, NV; tổ trưởng chuyên môn theo dõi, hỗ trợ GV kịp thời trong quá trình thực hiện các hoạt động giáo dục của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.9. Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hằng năm, tất cả các kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường, như: Kế hoạch năm, tháng; Quy chế dân chủ, Quy chế làm việc; Quy tắc ứng xử; Quy chế Thi đua, khen thưởng; Quy chế chi tiêu nội bộ... đều được phổ biến công khai trong các cuộc họp Hội đồng sư phạm; Hội nghị CB, viên chức; hội nghị sơ kết, tổng kết để CBQL, GV, NV tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến xây dựng kế hoạch [1.1-05]; [H1-1.9-01]. Tuy nhiên vẫn còn một số GV, NV chưa mạnh dạn phát huy dân chủ, đóng góp ý kiến liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

Trong 5 năm qua, nhà trường không có đơn thư khiếu nại, tố cáo xảy ra. Các kiến nghị, phản ánh của CBQL, GV, NV và CMHS thuộc thẩm quyền xử lý đều được nhà trường giải quyết kịp thời, đúng pháp luật [H1-1.9-02];

Hằng năm, nhà trường có xây dựng quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động, đối thoại nơi làm việc; có báo cáo tổng kết việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở [H1-1.9-03]; [H1-1.9-04].

Mức 2:

Nhà trường có các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở công khai, minh bạch và hiệu quả. Quy chế dân chủ được thông qua trong Hội

ng nghị CB, viên chức của trường; được niêm yết công khai tại phòng GV của trường [H1-1.9-01]; [1.9-05]. Ban chấp hành công đoàn đã phối hợp với nhà trường trong việc tổ chức, thực hiện quy chế dân chủ trong các hoạt động; chỉ đạo Ban Thanh tra nhân dân thực hiện tốt chức năng giám sát, kiểm tra việc thực hiện quy chế dân chủ, lắng nghe ý kiến của quần chúng, phát hiện những vi phạm quy chế dân chủ trong nhà trường để đề nghị Hiệu trưởng giải quyết [H1-1.9-06]. Nhà trường thực hiện công khai chất lượng giáo dục và các điều kiện đảm bảo chất lượng theo đúng quy định của Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT đầy đủ [1.1-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, đảm bảo mọi hoạt động của trường đều công khai, minh bạch và hiệu quả. Trong 05 năm qua, không có đơn thư khiếu nại, tố cáo trong nhà trường.

3. Điểm yếu

Trong các cuộc họp, một số GV, NV chưa mạnh dạn đóng góp ý kiến liên quan đến các hoạt động của nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2023-2024, lãnh đạo nhà trường, trưởng các tổ chức, đoàn thể thường xuyên tuyên truyền, vận động, khuyến khích GV, NV tham mưu, đóng góp ý kiến liên quan đến các hoạt động của nhà trường để xây dựng nhà trường ngày càng phát triển.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.10. Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bữa ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hằng năm, nhà trường đều xây dựng các kế hoạch, phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn giao thông, an toàn phòng chống cháy nổ, thảm họa, thiên tai; vệ sinh an toàn thực phẩm, an toàn phòng chống tai nạn, thương tích, phòng chống dịch bệnh; phòng chống các tệ nạn xã hội và phòng chống bạo lực trong nhà trường [H1-1.10-01]; [H1-1.10-02]; [H1-1.10-03]. Bếp ăn bán trú cho HS được cải tạo, nâng cấp khang trang, sạch sẽ, đã được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm [H1-1.10-04];

Nhà trường có hộp thư góp ý đặt nơi thuận tiện [1.10-05]; xây dựng quy chế, nội quy và lịch tiếp công dân để tiếp nhận xử lý các thông tin phản ánh của người dân [H1-1.9-02]. NV bảo vệ, phục vụ nhà trường đã thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ được giao nên luôn đảm bảo an toàn cho cho CBQL, GV, NV, HS;

Nhà trường thực hiện tốt công tác tuyên truyền giáo dục đạo đức trong CBQL, GV, NV và HS nên không có hiện tượng xúc phạm, kỳ thị, vi phạm về bình đẳng giới, bạo lực trong nhà trường [H1-1.10-06]. Trong nhiều năm liền, nhà trường luôn

được UBND thành phố công nhận trường học an toàn về an ninh trật tự, đạt chuẩn cơ quan văn hóa [H1-1.10-07]; [H1-1.10-08].

Mức 2:

Hàng năm, nhà trường có phối hợp với Công an phường Cam Linh xây dựng Quy chế phối hợp đảm bảo an ninh trật tự trường học [H1-1.10-09]; phối hợp với Đội cảnh sát hành chính về trật tự xã hội thành phố Cam Ranh kiểm tra phương án phòng chống cháy nổ [H1-1.10-10], tập huấn an toàn giao thông; tổ chức phổ biến, hướng dẫn, tập huấn cho CBQL, GV, NV và HS thực hiện công tác phòng chống dịch bệnh; tai nạn thương tích; vệ sinh an toàn thực phẩm [H1-1.10-11]; [H1-1.10-12]. Tuy nhiên, trường nằm ven đại lộ đường 3/4, đường Nguyễn Trọng Kỳ, lưu lượng xe cộ qua lại khá đông đúc, tình hình buôn bán hàng rong xung quanh trường vẫn còn diễn ra nên tiềm ẩn nhiều nguy cơ mất an toàn giao thông, an ninh trật tự cho nhà trường;

Nhà trường thường xuyên tổ chức kiểm tra, thu thập, đánh giá xử lý thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả. Hàng năm, nhà trường đều được công nhận trường học an toàn về an ninh trật tự [H1-1.10-07].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng và triển khai các kế hoạch, phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học đầy đủ, hiệu quả. Hàng năm, nhà trường đều được công nhận trường học an toàn về an ninh trật tự, đạt chuẩn cơ quan văn hóa.

3. Điểm yếu

Trường nằm ven đại lộ đường 3/4, đường Nguyễn Trọng Kỳ, lưu lượng xe cộ qua lại khá đông đúc, tình hình buôn bán hàng rong xung quanh trường vẫn còn diễn ra nên tiềm ẩn nhiều nguy cơ mất an toàn giao thông, an ninh trật tự cho nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục phối hợp với tổ bảo vệ dân phố, đội xung kích phường Cam Linh hỗ trợ công tác điều tiết giao thông trong giờ cao điểm, xử lý tình trạng buôn bán hàng rong xung quanh trường nhằm đảm bảo an ninh trật tự, an toàn giao thông trước cổng trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

Trường Tiểu học Cam Linh thực hiện đầy đủ, đúng quy định về công tác tổ chức và quản lý.

Cơ cấu tổ chức bộ máy của nhà trường được đảm bảo theo quy định của Điều lệ trường tiểu học. Các tổ chức, đoàn thể trong nhà trường được thành lập đầy đủ, ổn định, đã đi vào nề nếp, hoạt động tích cực theo điều lệ quy định, đúng chủ trương, chính sách của Đảng, trong khuôn khổ pháp luật của Nhà nước và quy chế của ngành Giáo dục. Các tổ chức, đoàn thể của nhà trường đều làm việc theo nghị quyết, công khai, dân chủ, tạo được sự đồng thuận trong nhà trường. Quy mô lớp học được tổ chức theo đúng quy định. Việc triển khai và tổ chức các cuộc vận động, các phong trào có hiệu quả. Thực hiện công tác quản lý hành chính, quản lý các hoạt động giáo dục, quản lý HS, quản lý CB, GV và NV đúng theo quy định của Luật Viên chức, Điều lệ trường tiểu học và các quy định khác của pháp luật. Tổ chức và sử dụng có hiệu quả các nguồn tài chính, cơ sở vật chất, trang thiết bị được cấp. Nhà trường đảm bảo an ninh trật tự, an toàn cho HS trong sinh hoạt, học tập và cho CB, GV, NV trong công tác.

Số lượng và tỷ lệ phần trăm các tiêu chí đạt và không đạt:

- + Mức 1: Đạt 10/10 tiêu chí - tỷ lệ 100%;
- + Mức 2: Đạt 10/10 tiêu chí - tỷ lệ 100%;
- + Mức 3: Đạt 00/04 tiêu chí - tỷ lệ 0%; Không đạt: 04/04 tiêu chí - tỷ lệ 100%.

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên

Mở đầu:

Đội ngũ CBQL, GV, NV Trường Tiểu học Cam Linh được biên chế đầy đủ, đáp ứng yêu cầu giáo dục về số lượng lẫn chất lượng. Hiệu trưởng đạt trình độ Đại học sư phạm, Phó Hiệu trưởng đạt trình độ Cao đẳng sư phạm có đủ sức khỏe, nhiệt tình, có phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống và chuyên môn vững vàng. Đa số GV đều nhiệt tình, có thâm niên, kinh nghiệm, có tinh thần trách nhiệm, tích cực trong công tác giảng dạy, đoàn kết gắn bó cùng với nhà trường thực hiện có hiệu quả các

hoạt động giáo dục. NV nhà trường có đầy đủ năng lực và nghiệp vụ để đáp ứng yêu cầu công tác.

HS Trường Tiểu học Cam Linh hầu hết là những HS ngoan, hiền, có động cơ và phương pháp học tập đúng đắn, tham gia tích cực các hoạt động của nhà trường, hoàn thành tốt nhiệm vụ của HS theo quy định của Điều lệ trường tiểu học.

Trong những năm qua, trường không có CBQL, GV, NV và HS bị kỷ luật. Nội bộ nhà trường đoàn kết, có tinh thần quyết tâm thực hiện tốt nhiệm vụ đề ra, đảm bảo phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường với phụ huynh HS và chính quyền địa phương.

Tiêu chí 2.1. Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;*
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;*
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.*

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính tới thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;*
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.*

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường Tiểu học Cam Linh được biên chế 01 Hiệu trưởng và 01 Phó Hiệu trưởng theo đúng tiêu chuẩn quy định của trường Hạng 2. Hiệu trưởng nhà trường có trình độ Đại học sư phạm, trung cấp lý luận chính trị, cử nhân quản lý giáo dục đạt các yêu cầu theo quy định tại Điều lệ trường tiểu học. Phó Hiệu trưởng nhà trường có trình độ Cao đẳng sư phạm [H2-2.1-01]; [H2-2.1-02];

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá (từ năm học 2018-2019 đến 2022-2023), Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng được đánh giá đạt 04 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ. Có nhiều nỗ lực đóng góp cho nhà trường, đã được cấp trên ghi nhận bằng các hình thức khen thưởng [H2-2.1-03]; [H2-2.1-04];

Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng tham dự các lớp bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được GV, NV trong trường tín nhiệm [H2-2.1-05]; [H2-2.1-06].

Mức 2:

Trong 05 năm liên tiếp, tính từ năm học 2018-2019, Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng đều được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt trở lên [H2-2.1-03]; [H2-2.1-04];

Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng đều đã tốt nghiệp lớp Trung cấp Lý luận chính trị; hàng năm, Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng đều được GV, NV trong đơn vị tín nhiệm cao [H2-2.1-05]; [H2-2.1-06].

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá (từ năm học 2018-2019 đến 2022-2023), Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng được đánh giá đạt Hoàn thành tốt nhiệm vụ [H2-2.1-03]; [H2-2.1-04]. Tuy nhiên, năng lực ngoại ngữ và ứng dụng công nghệ thông tin của Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng còn hạn chế, việc đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong công tác quản lý giáo dục chưa đạt hiệu quả cao.

2. Điểm mạnh

Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng được bồi dưỡng, tập huấn về chính trị và quản lý giáo dục theo quy định, có phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống tốt, đảm bảo yêu cầu về trình độ đào tạo; có năng lực quản lý, điều hành tốt; năng động, sáng tạo, nhiệt tình giúp đỡ GV trong trường; hiệu quả công tác tốt được tập thể nhà trường tín nhiệm.

3. Điểm yếu

Năng lực ngoại ngữ và ứng dụng công nghệ thông tin của Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng còn hạn chế, việc đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong công tác quản lý giáo dục chưa đạt hiệu quả cao.

Trình độ chuyên môn của Phó hiệu trưởng chưa đạt chuẩn theo quy định (Cao đẳng sư phạm).

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng tiếp tục học tập và bồi dưỡng năng lực ngoại ngữ để công tác quản lý giáo dục được tốt hơn, phù hợp với việc đổi mới công tác quản lý giáo dục trong tình hình hiện nay.

Phó hiệu trưởng tham gia lớp nâng chuẩn đào tạo theo quy định.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 2.2. Đối với giáo viên

Mức 1:

a) Số lượng giáo viên đảm bảo để dạy các môn học và tổ chức các hoạt động giáo dục theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học; có giáo viên làm Tổng phụ trách Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh;

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng**Mức 1:**

Trong những năm học qua, hiệu trưởng quản lý nhà trường, quản lý nhân sự đúng theo quy định tại Điều lệ trường tiểu học. Cụ thể, Hiệu trưởng thiết lập Sổ quản lý CB, GV, NV và được cập nhật hàng năm và được thể hiện qua bảng phân công chuyên môn hàng năm. Toàn trường có 37 GV đảm bảo để dạy các môn học và tổ chức các hoạt động giáo dục theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học; đạt tỷ lệ 1,48 GV/lớp. Cơ cấu GV đảm bảo để dạy đủ các môn học bắt buộc đúng theo quy định chương trình tiểu học. Trường có đủ GV chuyên trách dạy các bộ môn chuyên theo quy định như: Âm nhạc, Mỹ thuật, Tiếng Anh, Tin học, Giáo dục thể chất và có 01 GV làm Tổng phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh [H2-2.2-01]; [H2-2.2-02];

Trình độ chuyên môn của GV: Đại học có 30/37 người, đạt tỷ lệ: 81,1%; Cao đẳng có 07/37 người, đạt tỷ lệ: 18,9% [H2-2.2-03];

Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023, trường không có GV vi phạm bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên. 100% GV của trường đều được tham gia đánh giá xếp loại GV hàng năm theo Thông tư 20/2018/TT-BGDĐT về Quy định chuẩn nghề nghiệp GV tiểu học, một số giáo viên đạt chiến sĩ thi đua cơ sở nhiều năm liền và có 02 giáo viên được nhận bằng khen của Thủ tướng Chính phủ [H2-2.2-04]; [H2-2.2-05].

Mức 2:

Hiện nay trình độ chuyên môn GV: Đại học có 30/37 người, đạt tỷ lệ: 81,1%; Cao đẳng có 07/37 người, đạt tỷ lệ: 18,9% [H2-2.2-03];

Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, trường có 100% GV đạt chuẩn nghề nghiệp GV ở mức khá trở lên [H2-2.2-04];

Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có GV bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H2-2.2-05].

Mức 3:

Trường có 30/37 GV đạt chuẩn trình độ đào tạo có bằng tốt nghiệp Đại học sư phạm đúng chuyên ngành theo quy định tại Điều 30 của Thông tư 28/TT-BGDĐT về Điều lệ trường tiểu học ban hành ngày 04/9/2020 đạt tỷ lệ 81,1%; 07/37 GV có bằng Cao đẳng đạt tỷ lệ 18,9 % [H2-2.2-03];

Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 37/37 GV đạt chuẩn nghề nghiệp GV tiểu học từ loại Khá trở lên, đạt tỷ lệ 100%, không có GV đạt yêu cầu được thể hiện qua kết quả đánh giá xếp loại GV hằng năm của trường [H2-2.2-04].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ GV nhà trường đảm bảo về số lượng, chất lượng; tâm huyết với nghề; có ý thức tự học, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

3. Điểm yếu

Hiện tại trường còn 07 GV có trình độ Cao đẳng sư phạm.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024 đến năm học 2024-2025, nhà trường lập kế hoạch báo cáo Phòng GD&ĐT, động viên và tạo điều kiện thuận lợi để GV có trình độ cao đẳng tiếp tục học tập để nâng cao trình độ đào tạo theo Kế hoạch số 3620/KH-UBND ngày 05/5/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa. Đảm bảo lộ trình đến năm học 2024-2025, 100% GV có trình độ đại học đủ điều kiện để thực hiện giảng dạy chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học mới và bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp theo quy định.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 2.3. Đối với nhân viên

Mức 1:

- a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;
- b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;
- c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

- a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

- a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;
- b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường có 08 NV gồm có: 01 kế toán; 01 thư viện; 01 NV y tế; 02 phục vụ và 03 bảo vệ đảm bảo theo quy định [H2-2.3-01];

Hằng năm, Lãnh đạo nhà trường trao đổi thống nhất với Công đoàn cơ sở, Hiệu trưởng ra quyết định thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng theo văn bằng chứng chỉ đào tạo của NV; phân công nhiệm vụ, công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực [H2-2.3-02]; [H1-1.7-03];

Hằng năm, 100% đội ngũ NV luôn hoàn thành các nhiệm vụ được giao [H2-2.2-05].

Mức 2:

Có đủ biên chế NV làm công tác kế toán, y tế, thư viện, phục vụ và bảo vệ đảm bảo theo quy định tại điểm c khoản 1 Mục II Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 về hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập [H2-2.2-02];

Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có NV bị kỷ luật dưới mọi hình thức [H2-2.2-05].

Mức 3:

NV Kế toán có trình độ Đại học kế toán, NV Y tế có trình độ trung cấp Y sĩ, NV Thư viện có trình độ Cao đẳng Thư viện đáp ứng được vị trí việc làm [H2-2.3-02];

Hằng năm, đội ngũ NV chưa được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm [H2-2.2-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ biên chế NV đảm bảo trình độ chuẩn, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

3. Điểm yếu

Đội ngũ NV chưa được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2023-2024 tiếp tục kiến nghị với Phòng GD&ĐT tổ chức cho kế toán kiêm văn thư tham gia các lớp tập huấn về công tác văn thư, lưu trữ để đảm bảo được yêu cầu công việc, nắm vững hơn về chuyên môn của văn thư.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 2.4. Đối với học sinh

Mức 1:

- a) Đảm bảo về tuổi học sinh tiểu học theo quy định;*
- b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;*
- c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.*

Mức 2:

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3:

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trong năm học 2023-2024, trường có 25 lớp học được tổ chức học 2 buổi/ngày, có đủ các khối lớp từ lớp 1 đến lớp 5. Tổng số HS toàn trường là 777/ 314nữ; Số HS trong một lớp theo quy định của Điều lệ trường tiểu học, bình quân số HS trên lớp là 30,6 hs/lớp, có độ tuổi từ 6-14 tuổi, quản lý HS đúng quy định [H2-2.4-01];

Bắt đầu năm học và xuyên suốt trong quá trình học, nhà trường luôn theo dõi tình hình HS trực tiếp và gián tiếp thông qua học bạ HS, sổ liên lạc, sổ chủ nhiệm [H2-2.4-02];

Các em được đảm bảo các quyền theo quy định Điều lệ trường tiểu học và các quy định khác về trẻ em [H2-2.4-03]; [H2-2.4-04], [H2-2.4-05].

Mức 2:

Tất cả HS đều được bảo vệ, chăm sóc, tôn trọng và đối xử bình đẳng; các em hầu hết không vi phạm các hành vi HS không được làm theo Điều 34, Điều 35 của Thông tư Ban hành Điều lệ trường tiểu học (Thông tư 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GD&ĐT), HS vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, có các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực, thực hiện tốt quy tắc ứng xử trong trường học [H1-1.7-04].

Mức 3:

HS còn hạn chế về thành tích trong học tập, rèn luyện và có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của trường và của lớp như: Phụ trách Sao giỏi, Kể chuyện, Viết chữ đẹp, Vẽ tranh, Hội khỏe Phù Đổng và các hoạt động khác do cấp trên tổ chức [H2-2.4-06].

2. Điểm mạnh

HS trong trường đều đảm bảo quy định về độ tuổi, thực hiện đầy đủ quyền và nhiệm vụ của HS theo quy định của Điều lệ trường tiểu học và pháp luật.

HS chấp hành tốt nội quy, quy tắc ứng xử trong nhà trường.

3. Điểm yếu

HS còn hạn chế về thành tích các phong trào do nhà trường và ngành tổ chức.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2023-2024, nhà trường chỉ đạo tăng cường phối hợp tích cực giữa các lực lượng giáo dục như: GV chủ nhiệm với GV bộ môn, Tổng phụ trách Đội, thường xuyên tuyên truyền vận động trong các buổi sinh hoạt đầu tuần, sinh hoạt lớp để nâng cao hiệu quả công tác giáo dục rèn luyện kỹ năng sống cho HS.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

Đội ngũ CB, GV và NV đầy đủ về số lượng theo quy định, đảm bảo về chất lượng; có trình độ trên chuẩn cao, ý thức tổ chức kỷ luật và phẩm chất đạo đức tốt, có tay nghề vững vàng; thường xuyên được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiệp vụ và đáp ứng yêu cầu công tác.

HS của nhà trường đáp ứng được yêu cầu về độ tuổi, quyền và nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ trường tiểu học và của pháp luật.

Số lượng và tỷ lệ phần trăm các tiêu chí đạt và không đạt:

- + Mức 1: Đạt 04/04 tiêu chí - tỷ lệ 100%;
- + Mức 2: Đạt 04/04 tiêu chí - tỷ lệ 100%;
- + Mức 3: Đạt 0/04 tiêu chí - tỷ lệ 0%; Không đạt: 04/04 tiêu chí – tỷ lệ 100%.

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu:

Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học có vai trò rất quan trọng trong quá trình dạy học, là phương tiện lao động sư phạm của các nhà giáo dục và HS, là một trong những điều kiện thiết yếu để tiến hành quá trình dạy học và giáo dục trong nhà trường. Vì vậy, từ khi thành lập đến nay, được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo, sự phối hợp với Ban đại diện CMHS Trường Tiểu học Cam Linh luôn chú ý từng bước xây dựng, tu sửa cơ sở vật chất nhằm đáp ứng tốt yêu cầu dạy và học của GV và HS, đúng theo quy định của Điều lệ trường tiểu học.

Tiêu chí 3.1. Khuôn viên, sân chơi, sân tập

Mức 1:

a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;

b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hàng rào bao quanh;

c) Có sân chơi sân tập thể dục, thể thao.

Mức 2:

a) Diện tích khuôn viên, sân chơi, sân tập theo quy định;

b) Sân chơi, sân tập đảm bảo cho học sinh luyện tập thường xuyên và hiệu quả;

Mức 3:

Sân chơi, sân tập bằng phẳng, có cây bóng mát, có đồ chơi, thiết bị vận động.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường thường xuyên tham mưu với ngành, các cấp ủy Đảng, chính quyền và các tổ chức đoàn thể địa phương nhằm huy động các nguồn lực để xây dựng, tu sửa cơ sở vật chất của nhà trường vào dịp hè, trước khi khai giảng năm học mới như tu sửa tường rào, làm nhà xe cho GV và HS, xây các bồn hoa, làm sân bê tông, sửa chữa nhà vệ sinh, sửa chữa bàn ghế, ... Do vậy, cơ sở vật chất nhà trường và khung cảnh sư phạm luôn luôn được duy trì, tu bổ khang trang sạch đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục. Nhà trường phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân của địa phương để xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh; không có hàng quán, nhà ở trong khu vực trường [H3-3.1-01];

Trường có cổng ra vào được xây dựng kiên cố, có biển tên trường với nội dung ghi rõ ràng, dễ đọc, đảm bảo yêu cầu an toàn, thẩm mỹ theo đúng Điều lệ trường tiểu học, trường có tường rào bao quanh theo quy định [H3-3.1-02]; [H3-3.1-03];

Trường có sân tập thể dục và sân chơi cho HS bằng phẳng, chiếm trên 50% diện tích mặt bằng. Sân chơi có nhiều cây bóng mát, đảm bảo đủ bóng mát cho HS vui chơi trong giờ giải lao [H3-3.1-04].

Mức 2:

Nhà trường có diện tích xây dựng công trình và diện tích sân chơi, sân tập đảm bảo cho HS luyện tập thường xuyên và hiệu quả theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học. Tổng diện tích trường là 7.773,3m², bình quân 9,9m²/HS. Diện tích trên đã được UBND tỉnh Khánh Hòa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 03 điểm trường [H3-3.1-05].

Diện tích sân chơi: 4.306,3m², tỷ lệ 5,5m²/HS, sân tập thể dục thể thao: 1500m², tỷ lệ 3,4m²/HS. Đảm bảo HS luyện tập thường xuyên và hiệu quả [H3-3.1-04]; [H3-3.1-06]; [H3-3.1-07].

Mức 3:

Trường có sân tập thể dục và sân chơi cho HS bằng phẳng, chiếm trên 50% diện tích mặt bằng. Sân chơi có nhiều cây bóng mát, đảm bảo đủ bóng mát cho HS vui chơi trong giờ giải lao [H3-3.1-04]. Tuy nhiên, Nhà trường chưa có trang bị đồ chơi, thiết bị vận động.

2. Điểm mạnh

Trường có cổng trường, biển tên trường đầy đủ theo quy định, có khuôn viên riêng biệt, rộng rãi thoáng mát, nằm trên vị trí thuận lợi. Có sân chơi, bãi tập các bồn hoa, cây cảnh, cây bóng mát được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, thân thiện cho GV, HS khi đến trường. Diện tích sân chơi rộng đáp ứng nhu cầu vui chơi lành mạnh cho HS. Sân chơi được bê tông hóa sạch sẽ, đảm bảo an toàn cho các em khi chơi.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa có trang bị đồ chơi, thiết bị vận động.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm 2024, Nhà trường cân đối kinh phí ngân sách được cấp, đồng thời phối hợp với Ban đại diện CMHS huy động các nguồn lực hợp pháp trang bị đồ chơi, thiết bị vận động.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 3.2. Phòng học

Mức 1:

- a) Đủ mỗi lớp mỗi phòng học riêng, quy cách phòng học theo quy định;*
- b) Bàn ghế học sinh đúng tiêu chuẩn và đủ chỗ ngồi cho học sinh. Có bàn ghế giáo viên, bảng lớp theo quy định;*
- c) Có hệ thống đèn, hệ thống quạt, có hệ thống tủ đựng hồ sơ thiết bị dạy học.*

Mức 2:

- a) Diện tích phòng học đạt tiêu chuẩn theo quy định;*
- b) Tủ đựng thiết bị dạy học có đủ các thiết bị dạy học;*
- c) Kích thước, vật liệu, kết cấu, kiểu dáng, màu sắc bàn, ghế, bảng, tủ theo đúng quy định.*

Mức 3:

Có các phòng riêng biệt để dạy các môn âm nhạc, mỹ thuật, khoa học và ngoại ngữ; có phòng để hỗ trợ cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường có 25 phòng học cho 25 lớp. Mỗi lớp một phòng học riêng đảm bảo cho tất cả HS đều được học 2 buổi/ ngày. Các phòng học được xây dựng đúng quy cách, đủ ánh sáng, thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông, an toàn cho GV và HS theo quy định Bộ Y tế ban hành theo Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT của Bộ Y tế ban hành Quy định về công tác dạy và học trong trường tiểu học [H3-3.2-01]; [H3-3.2-02];

Toàn trường có 318 bộ bàn ghế 2 chỗ ngồi đáp ứng đủ chỗ ngồi cho HS trong trường. Mỗi lớp học đều có một bộ bàn ghế GV và bảng lớp có kích thước là 1,2m x 3,6m, bảng chống lóa màu xanh, bảng được treo cao cách nền phòng học 1m đảm bảo HS cả lớp quan sát theo quy định [H3-3.2-03];

Mỗi phòng học có đầy đủ hệ thống đèn, quạt đảm bảo đủ ánh sáng, thoáng mát, có tủ đựng thiết bị dạy học [H3-3.2-04].

Mức 2:

Mỗi phòng học đều có diện tích 42m², đạt chuẩn theo quy định [H3-3.2-01];

Các lớp đều có tủ đựng thiết bị dạy học và đủ các thiết bị dạy học theo từng khối lớp [H3-3.2-04];

Bàn ghế HS làm bằng gỗ, bàn ghế 2 chỗ ngồi có kích thước, vật liệu, kết cấu, kiểu dáng, màu sắc theo quy định. Tuy nhiên, nhà trường còn một số bộ bàn ghế chưa đúng quy cách cần được thay thế mới [H3-3.2-03].

Mức 3:

Nhà trường bố trí 01 phòng dạy môn Âm nhạc, 01 phòng dạy môn Mỹ thuật, 02 phòng dạy môn Tiếng Anh và 01 phòng dạy môn Tin học. Trường có phòng để hỗ trợ cho HS có hoàn cảnh khó khăn, bồi dưỡng HS có năng khiếu [H3-3.2-02]. Tuy nhiên, thiết bị máy vi tính ở phòng dạy bộ môn Tin học đã cũ cần được thay thế mới.

2. Điểm mạnh

Trường có đủ hệ thống phòng học đảm bảo cho việc dạy và học 2 buổi/ngày. Trong các phòng học được trang bị đầy đủ bảng lớp, hệ thống đèn, quạt, tủ đựng đồ dùng dạy học và các thiết bị dạy học cần thiết đúng theo quy định của Bộ GD&ĐT, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Y tế.

3. Điểm yếu

Trường hiện tại còn một số bộ bàn ghế chưa đúng quy cách cần được thay thế mới.

Thiết bị máy vi tính ở phòng dạy môn Tin học đã cũ cần được thay thế mới.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2022-2023, Nhà trường đã lập kế hoạch mua sắm, tu sửa cơ sở vật chất, trong đó có nội dung tu sửa, mua sắm thay thế dần số bộ bàn ghế hư hỏng và không đúng quy cách.

Năm 2024, Nhà trường cân đối kinh phí ngân sách được cấp, đồng thời phối hợp với Ban đại diện CMHS huy động các nguồn lực hợp pháp trang bị bổ sung máy tính cho HS học tin học, đảm bảo mỗi HS một máy để việc học của HS đạt hiệu quả hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 3.3. Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị

Mức 1:

a) Có phòng giáo dục nghệ thuật, phòng học tin học, phòng thiết bị giáo dục, phòng truyền thống và hoạt động Đội đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động giáo dục;

b) Khối phòng hành chính - quản trị đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;

c) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự.

Mức 2:

a) Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

b) Có nơi lưu trữ hồ sơ, tài liệu chung.

Mức 3:

Khối phòng phục vụ học tập, phòng hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị, được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường có khối phòng phục vụ học tập gồm có: 02 phòng giáo dục nghệ thuật (1 phòng ở điểm A, 1 phòng ở điểm C); 02 phòng Tin học (1 phòng ở điểm A,

1 phòng ở điểm C); 03 phòng thường trực, bảo vệ (ở 3 điểm trường); 02 phòng Thư viện (1 phòng ở điểm A, 1 phòng ở điểm C), 02 phòng Thiết bị giáo dục (1 phòng ở điểm A, 1 phòng ở điểm C), 01 phòng hoạt động Đội [H3-3.2-02];

Trường có khối phòng hành chính quản trị có các phòng: phòng làm việc của Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, phòng GV, phòng Hợp hội đồng, kho Lưu trữ, phòng Y tế học đường, phòng Y tế được trang bị đầy đủ các loại thuốc và dụng cụ y tế cần thiết. Các phòng đều có trang bị tối thiểu để làm việc: bàn ghế, tủ đựng hồ sơ, máy vi tính nối mạng internet, máy in [H3-3.3-01];

Nhà trường có khu vực để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự [H3-3.3-02]; [H3-3.3-03].

Mức 2:

Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị đảm bảo theo quy định được bố trí hợp lý, thuận tiện cho các hoạt động giáo dục. Nhà trường có phòng Tư vấn tâm lý học đường (ở điểm A), có phòng Công đoàn (ở điểm A). Bếp ăn bán trú được bố trí theo quy cách bếp ăn 1 chiều, có hầm rút chứa nước thải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho GV, NV và HS [H3-3.3-04];

Nhà trường sắp xếp, bố trí văn phòng nơi làm việc của bộ phận văn thư, kế toán, lưu trữ tài liệu chung [H3-3.3-05].

Mức 3:

Phòng Y tế có các loại dụng cụ, trang thiết bị y tế tối thiểu, có tủ thuốc với các loại thuốc thiết yếu ở trường học để đảm bảo chăm sóc sức khỏe ban đầu cho CB, GV, NV và HS tại trường đúng quy định. Khối phòng phục vụ học tập, phòng hành chính – quản trị được trang bị các thiết bị như: máy chiếu, máy in, máy vi tính kết nối Internet phục vụ tốt công tác quản lý, các hoạt động giáo dục của nhà trường. Tuy nhiên việc mua sắm và bổ sung các trang thiết bị chưa được đầy đủ [H3-3.3-01].

2. Điểm mạnh

Trường có đủ khối phòng phục vụ học tập, khối phòng hành chính – quản trị. Có trang thiết bị về y tế, có tủ thuốc cũng như trang bị các loại máy văn phòng, máy vi tính được nối mạng Internet phục vụ tốt cho công tác quản lý, các hoạt động giáo dục đảm bảo đúng theo quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày

26/5/2020 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

3. Điểm yếu

Kinh phí có hạn nên việc mua sắm và bổ sung trang thiết bị tại các phòng hành chính – quản trị chưa thật đầy đủ, phong phú và hiện đại.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm 2024, Nhà trường cân đối kinh phí ngân sách được cấp, đồng thời phối hợp với Ban đại diện CMHS huy động các nguồn lực hợp pháp để mua sắm, trang bị bổ sung các thiết bị cho các phòng hành chính – quản trị.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 3.4. Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên và học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có 03 công trình vệ sinh riêng cho nam và nữ CB, GV, NV (3 điểm trường) với tổng diện tích 72,9m². Thiết kế nhà vệ sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường, hệ thống cung cấp nước bảo đảm luôn hoạt động, có biển báo phân biệt

nam nữ, có thiết kế hệ thống quạt thông gió tự động, gắn hệ thống âm thanh phát nhạc thư giãn kèm theo lời nhắc nội quy khi HS đi vệ sinh để HS khuyết tật học hòa nhập sử dụng nhà vệ sinh được thuận lợi. Công trình nhà vệ sinh HS ở vị trí thuận lợi đi lại, phù hợp với cảnh quan nhà trường, sạch sẽ [H3-3.4-01]; công trình vệ sinh của CB, GV, NV ở vị trí thuận lợi đi lại, phù hợp với cảnh quan nhà trường [H3-3.4-02]. Tuy nhiên số bệ xí chưa đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng của HS;

Nhà trường ký hợp đồng cấp nước uống với doanh nghiệp cung cấp nước uống cho CB, GV, NV và HS. Nhà trường có nguồn nước sạch từ nguồn nước máy đáp ứng nhu cầu sử dụng trong sinh hoạt của CB, GV, NV và HS [H3-3.4-03]; [H3-3.4-04]. Hệ thống thoát nước ở điểm B được cải tạo bảo đảm vệ sinh môi trường [H3-3.1-04];

Nhà trường có sử dụng các giỏ rác, thùng rác có nắp đậy, tiến hành gom rác hàng ngày, chứa rác vào các thùng và để các thùng rác đúng vị trí quy định. Thời gian xử lý rác theo khung giờ làm việc của Công ty Vệ sinh môi trường thành phố Cam Ranh [H3-3.4-05].

Mức 2:

Khu nhà vệ sinh riêng biệt dành cho GV và HS. Khu vệ sinh của GV đúng quy cách với diện tích 72,9m² tại 3 điểm trường; khu vệ sinh dành cho HS gồm 3 khu riêng biệt nam và nữ, được tu sửa lại với diện tích 128m² ở cuối dãy phòng học phù hợp với cảnh quan trường học, đảm bảo an toàn, sạch đẹp [H3-3.4-01]; [H3-3.4-02]. Nhà vệ sinh được lắp đặt thêm hệ thống quạt gió, âm thanh nghe nhạc thư giãn và nước dội cầu luôn được cung cấp đầy đủ;

Hệ thống cấp nước sạch, thu gom và xử lý chất thải của nhà trường đáp ứng quy định. Trường đang sử dụng nước sinh hoạt của Công ty cổ phần đô thị Cam Ranh. Hiện nay, nhà trường dùng nước uống đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm [H3-3.4-04]; [H3-3.4-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có công trình vệ sinh riêng cho CB, GV, NV, HS, riêng cho nam và nữ, vị trí phù hợp với cảnh quan trường học, an toàn, thuận tiện, sạch sẽ.

Có nguồn nước sạch đáp ứng nhu cầu sử dụng của CB, GV, NV và HS, cung cấp nước uống cho HS đạt tiêu chuẩn, thu gom rác và xử lý đảm bảo yêu cầu.

3. Điểm yếu

Số bộ xí chưa đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng của HS.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm 2024, nhà trường tham mưu UBND thành phố Cam Ranh đầu tư xây thêm 01 nhà vệ sinh cho HS để đảm bảo số lượng thiết bị vệ sinh theo quy định.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 3.5. Thiết bị

Mức 1:

a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;

b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường: Máy vi tính, máy in, máy scan, bàn làm việc [H3-3.5-01];

Trường có đủ các thiết bị dạy học cho 5 khối lớp, đáp ứng nhu cầu tối thiểu theo quy định Thông tư 15/2009/TT-BGDĐT ngày 16/07/2009 của Bộ GD&ĐT ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Tiểu học, Thông tư 05/2019/TT-

BGDĐT ngày 05/04/2019 của Bộ GD&ĐT ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu lớp 1, Thông tư 43/2020/TT-BGDĐT ngày 03/11/2020 của Bộ GD&ĐT ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu lớp 2 và Thông tư 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ GD&ĐT ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Tiểu học [H3-3.5-02];

Vào cuối năm học nhà trường đều tiến hành kiểm kê, sửa chữa và lưu các biên bản kiểm kê, mua sắm, thanh lý và cấp phát đầy đủ, khoa học [H3-3.5-03].

Mức 2:

Tất cả hệ thống máy tính của nhà trường được kết nối Internet, đảm bảo nhu cầu trao đổi thông tin, phục vụ tốt cho công tác quản lý, hoạt động dạy học [H3-3.5-04];

Trang thiết bị dạy học của nhà trường đáp ứng được nhu cầu phục vụ giảng dạy và học tập từ khối 1 đến khối 5, đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 15/2009/TT-BGDĐT [H3-3.5-05];

Hằng năm, nhà trường đều cân đối nguồn ngân sách để mua bổ sung các thiết bị dạy học và tổ chức GV tự làm thêm đồ dùng dạy học [H3-3.5-06]; [H3-3.5-07].

Mức 3:

Thiết bị dạy học của giáo viên tự làm phần lớn là tranh, sơ đồ, bảng phụ đơn giản, chất liệu chưa cao, thời gian sử dụng ngắn [3.5-08].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị dạy học khác. Hệ thống máy tính được kết nối mạng Internet để phục vụ công tác quản lý, dạy học và các hoạt động của nhà trường.

3. Điểm yếu

Thiết bị dạy học tự làm còn hạn chế, sử dụng chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2023-2024, nhà trường tiếp tục đề xuất với cấp trên bổ sung đồ dùng và thiết bị dạy học phục vụ cho công tác giảng dạy, học tập của GV và HS (ưu tiên bổ sung đồ dùng dạy học cho môn Tiếng Anh).

Năm 2024, nhà trường cân đối kinh phí ngân sách được cấp chi thường xuyên, đồng thời phối hợp với Ban đại diện CMHS huy động các nguồn lực hợp pháp để mua sắm bổ sung thêm đồ dùng dạy học có chất lượng.

Nhà trường có kế hoạch vận động các tổ chuyên môn tổ chức làm đồ dùng dạy học có chất lượng, sử dụng được cho nhiều khối lớp và nhiều năm học. Bên cạnh đó bộ phận phụ trách công tác thiết bị nhà trường xây dựng kế hoạch phối hợp với Chuyên môn trường tổ chức các cuộc thi làm đồ dùng dạy học để phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 3.6. Thư viện

Mức 1:

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động dạy học;

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu hoạt động dạy học của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh;

c) Hàng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt thư viện trường học đạt chuẩn trở lên (theo quy định tại Thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT ngày 22/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định tiêu chuẩn thư viện cơ sở giáo dục mầm non và trường phổ thông).

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên; hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Thư viện nhà trường hàng năm được trang bị đầy đủ các loại sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa, giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động dạy và học [3.6-01]; [H3-3.6-02];

Hằng năm, NV thư viện tổ chức nhiều hoạt động đa dạng, phong phú, như: cho CBQL, GV, NV và HS đọc sách, mượn sách; tổ chức tiết đọc thư viện; các Hội thi Kể chuyện theo sách, Kể chuyện Bác Hồ, bình chọn người giới thiệu sách hay; trang trí Góc thư viện; tổ chức Ngày sách Việt Nam. Hoạt động của thư viện đã đáp ứng được yêu cầu nghiên cứu và các hoạt động dạy học của CBQL, GV, NV và HS [H3-3.6-03]; [H3-3.6-04];

Hằng năm, nhà trường tiến hành kiểm kê sách, báo, tạp chí theo quy định; cân đối ngân sách được cấp để mua bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo phục vụ hoạt động dạy học [H3-3.6-05]; [H3-3.6-06].

Mức 2:

Thư viện nhà trường đã đạt chuẩn theo Quyết định số 312/QĐ-SGD&ĐT ngày 12 tháng 3 năm 2003 của Sở GD&ĐT Khánh Hoà về việc cấp giấy chứng nhận thư viện đạt chuẩn. Năm học 2023-2024, Thư viện nhà trường tự đánh giá và được Phòng GD&ĐT công nhận Thư viện đạt tiêu chuẩn Mức độ 1 tại Quyết định số 298/QĐ-PGDĐT ngày 28/12/2023 [H3-3.6-07].

Mức 3:

Hệ thống máy tính của thư viện còn hạn chế nên việc đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học và các hoạt động khác của CBQL, GV, NV và HS có lúc chưa kịp thời; chưa có phần mềm thư viện; nguồn học liệu số còn hạn chế.

2. Điểm mạnh

Thư viện nhà trường đạt chuẩn theo quy định tiêu chuẩn thư viện trường phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT ngày 22/11/2022 của Bộ GD&ĐT. Đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của GV và HS. Thu hút được đông đảo GV và HS tham gia vào các hoạt động đọc.

Thư viện nhà trường được trang trí thân thiện, tạo cảnh quan phòng đọc đúng theo yêu cầu, trang bị truyện đọc, sách tham khảo đa dạng, phong phú đáp ứng với nhu cầu dạy học của nhà trường. Nhà trường thường xuyên trích kinh phí ngân sách để bổ sung sách, báo tạp chí, bản đồ, tranh ảnh và các xuất bản phẩm tham khảo phục vụ tốt trong công tác dạy học.

3. Điểm yếu

Thư viện chưa trang bị hệ thống máy tính nhằm đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của CBQL, GV, NV và HS.

Thư viện chưa có phần mềm thư viện; nguồn học liệu số còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm 2024 trở đi, nhà trường tiếp tục rà soát tình hình thực tế của Thư viện, xây dựng kế hoạch bổ sung các điều kiện phù hợp để đảm bảo các tiêu chuẩn theo quy định của Thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT; tạo điều kiện cho NV thư viện tham quan, học tập tại các trường học trên địa bàn để tiếp cận các mô hình chuyển đổi số.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

Trường có diện tích khuôn viên rộng rãi, có trồng nhiều cây xanh bóng mát, có đủ phòng học được trang bị đầy đủ điện quạt, tủ đựng hồ sơ và đồ dùng dạy học, bảng đen; có đầy đủ nhà vệ sinh và nguồn nước sạch đảm bảo đủ nhu cầu của GV và HS. Khối hành chính được trang bị đầy đủ máy vi tính nối mạng Internet, máy in. Thư viện đã được công nhận Thư viện trường học đạt tiêu chuẩn Mức 1.

Tuy nhiên, cơ sở vật chất của trường cần có kế hoạch mua sắm bổ sung một số bộ bàn ghế HS chưa đúng quy cách.

Số lượng và tỷ lệ phần trăm các tiêu chí đạt và không đạt:

+Mức 1: Đạt: 06/06 tiêu chí – tỷ lệ 100%;

+Mức 2: Đạt: 06/06 tiêu chí – tỷ lệ 100%;

+Mức 3: Đạt: 0/05 tiêu chí – tỷ lệ 0%; Không đạt: 05/05 tiêu chí – tỷ lệ 100%.

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu:

Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội có hiệu quả tốt sẽ tạo ra thế đứng

vững chắc cho sự tồn tại và phát triển của nhà trường, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, hạn chế những ảnh hưởng tác động xấu của xã hội đến HS, đồng thời đáp ứng, phục vụ tốt nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của địa phương.

Trường Tiểu học Cam Linh thường xuyên kết hợp chặt chẽ môi trường giáo dục giữa nhà trường, gia đình và xã hội. Nhà trường duy trì tốt việc trao đổi thông tin với cha mẹ HS về tình hình học tập cũng như giáo dục đạo đức tác phong, rèn kỹ năng sống cho HS. Ngoài việc thành lập Ban đại diện CMHS để tổ chức, phối hợp thực hiện các hoạt động giáo dục HS, nhà trường còn tích cực tham mưu với các ban ngành, đoàn thể, các cấp ở địa phương, coi trọng mối quan hệ với các cơ quan, ban ngành, công ty Bảo hiểm và các tổ chức khác đứng trên địa bàn để thực hiện tốt công tác giáo dục toàn diện cho HS, nâng cao chất lượng dạy học, giúp đỡ HS có hoàn cảnh khó khăn, đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục nhằm hỗ trợ về vật chất và tinh thần trong công tác xây dựng nhà trường, tạo dựng môi trường giáo dục thân thiện.

Tiêu chí 4.1. Ban đại diện cha mẹ học sinh

Mức 1:

- a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;*
- b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;*
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.*

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách và giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Vào đầu mỗi năm học, nhà trường tổ chức Hội nghị CMHS theo từng lớp và Hội nghị cha mẹ HS toàn trường để thành lập Ban đại diện CMHS của mỗi lớp và của toàn trường. Ban đại diện CMHS ở lớp có 03 người, Ban đại diện CMHS cấp trường có từ 07-09 thành viên. Ban đại diện CMHS đã xây dựng quy chế hoạt động theo đúng Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT [H4-4.1-01]; [H1-1.3-03];

Ban đại diện CMHS có xây dựng kế hoạch hoạt động theo từng năm học; cùng với nhà trường xây dựng quy chế phối hợp hoạt động giữa nhà trường và cha mẹ HS [H4-4.1-02]; [H4-4.1-03];

Ban đại diện CMHS đã phối hợp với Lãnh đạo nhà trường tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ đề ra. Định kỳ hằng năm, Lãnh đạo nhà trường và Ban đại diện CMHS có tổ chức họp để thông qua chương trình hoạt động cả năm học, sơ kết, tổng kết quá trình thực hiện vào cuối học kỳ 1 và cả năm học [H4-4.1-04].

Mức 2:

Nhà trường luôn tạo điều kiện thuận lợi để Ban đại diện CMHS phối hợp cùng nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ, quyền và trách nhiệm. Mỗi cuộc họp CMHS, GV hướng dẫn, tuyên truyền kế hoạch xây dựng trường CQG của nhà trường, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với CMHS; huy động HS đến trường, vận động HS đã bỏ học trở lại lớp [H4-4.1-04]; [H4-4.1-05].

Mức 3:

Ban đại diện CMHS phối hợp có hiệu quả với Nhà trường trong việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục theo Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ GD&ĐT ban hành Điều lệ Ban đại diện CMHS; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ HS; huy động HS đến trường, vận động HS ra lớp hằng năm luôn đạt tỷ lệ 100% [H4-4.1-04]; [H4-4.1-05]. Tuy nhiên, vì điều kiện công tác nên một số thành viên trong Ban đại diện CMHS đôi lúc chưa tham gia thật đầy đủ các cuộc họp, các hoạt động của nhà trường.

2. Điểm mạnh

Ban đại diện CMHS thường xuyên phối hợp nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với CMHS. Hàng năm, Ban đại diện CMHS lớp, Ban đại diện CMHS trường phối hợp với GVCN và nhà trường huy động 100% HS đến trường. Trong các năm qua, nhà trường không có HS bỏ học Ban đại diện CMHS của trường và Ban đại diện CMHS lớp hoạt động hiệu quả, đúng theo kế hoạch, chương trình đề ra.

3. Điểm yếu

Công tác phối hợp chưa hiệu quả giữa nhà trường và xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện CMHS.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo nhà trường phối hợp với xã hội thực hiện có hiệu quả trong việc thực hiện tốt các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện CMHS.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 4.2. Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

Mức 3

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hằng năm, nhà trường có chủ động tham mưu với Đảng ủy, UBND phường Cam Linh; phối hợp với các tổ chức, ban ngành đoàn thể ở địa phương trong công tác tuyển sinh lớp 1; phổ cập giáo dục tiểu học; xin ý kiến chỉ đạo của chính quyền địa phương trong công tác xã hội hóa giáo dục, nhằm thực hiện tốt kế hoạch giáo dục của nhà trường [H4-4.2-01]; [H4-4.2-02];

Thông qua các cuộc họp CMHS toàn trường và từng lớp, nhà trường đã thực hiện công tác tuyên truyền phổ biến nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về công tác giáo dục. Đồng thời, tuyên truyền về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường, nhiệm vụ năm học; thông báo kết quả học tập của HS từng học kỳ và cuối năm học qua Sổ liên lạc và hệ thống VnEdu [H4-4.1-01]; [4.2-03];

Nhà trường đã phối hợp với Ban đại diện CMHS, các ban ngành đoàn thể ở địa phương, các đơn vị kết nghĩa thực hiện tốt công tác xã hội hóa giáo dục hằng năm, huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định của Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 8 năm 2018 của Bộ GD&ĐT ban hành Thông tư Quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân [H1-4.2-04].

Mức 2:

Nhà trường thường xuyên tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương trong mọi vấn đề nhằm tạo sự hỗ trợ cho nhà trường thực hiện chiến lược, phương hướng đề ra [H4-4.2-01]; [H4-4.2-02];

Hằng năm, nhà trường mời Đoàn phường báo cáo về ý nghĩa truyền thống anh hùng của Quân đội Nhân dân Việt Nam. Tổng phụ trách Đội nhà trường báo cáo về ý nghĩa ngày thành lập Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Nhà trường có tổ chức đưa HS đi thăm và thấp hương Đài Liệt sỹ của địa phương (anh hùng Liệt sỹ Nguyễn Trọng Kỷ). Nhà trường thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ và hỗ trợ các tiết mục văn nghệ mừng các ngày Lễ kỷ niệm truyền thống [H4-4.2-05]; [H4-4.2-06].

Mức 3:

Nhà trường có tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục trong nhà trường [H4-4.2-01]; [H4-4.2-02]. Tuy nhiên việc tham mưu, phối hợp với các cấp ở chính quyền địa phương để xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương chưa đạt hiệu quả.

2. Điểm mạnh

Nhà trường làm tốt công tác tham mưu cho cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương xây dựng và thực hiện phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường. Chủ động phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tuyên truyền giáo dục các truyền thống tốt đẹp, nâng cao ý thức trách nhiệm cộng đồng.

3. Điểm yếu

Công tác tham mưu cho cấp ủy Đảng, chính quyền và sự phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân chưa thường xuyên nên hiệu quả chưa cao và chưa phát triển nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2023 - 2024 và những năm tiếp theo, nhà trường tích cực tuyên truyền các hoạt động giáo dục của nhà trường qua nhiều kênh thông tin khác nhau (Website của trường, đài truyền thanh,...) để các tổ chức, cá nhân tiếp cận được với

trường, tạo cơ hội, tranh thủ sự ủng hộ của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài địa phương để huy động tài lực, vật lực xây dựng môi trường giáo dục, phấn đấu đưa nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục địa phương.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

Ban đại diện CMHS được thành lập và hoạt động theo đúng quy định tại Điều lệ Ban đại diện CMHS. Mỗi năm học, Ban đại diện CMHS đều xây dựng kế hoạch hoạt động nhằm thực hiện nhiệm vụ, quyền, trách nhiệm và hoạt động theo điều lệ đã quy định. Đa số các thành viên trong Ban đại diện CMHS đều phối hợp tốt với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Hằng năm, nhà trường đều tham mưu với chính quyền địa phương để xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục. Nhà trường đã thực hiện tốt công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường. Nhà trường huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân về tinh thần, vật chất để khen thưởng, tặng học bổng và hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn nhằm xây dựng nhà trường và môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, giúp cho các em HS học tập tốt hơn, nâng cao chất lượng giáo dục.

Tuy nhiên, nhà trường thực hiện chưa hiệu quả việc tham mưu và phối hợp với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, các tổ chức, cá nhân trong việc xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

Số lượng và tỷ lệ phần trăm các tiêu chí đạt và không đạt:

- + Mức 1: Đạt: 02/02 tiêu chí – tỷ lệ 100%;
- + Mức 2: Đạt: 02/02 tiêu chí – tỷ lệ 100%;
- + Mức 3: Đạt: 0/02 tiêu chí – tỷ lệ 0%; Không đạt: 02/02 tiêu chí – tỷ lệ 100%.

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Mở đầu:

Trong những năm vừa qua nhà trường đã chỉ đạo thực hiện chương trình giáo dục, kế hoạch dạy học của Bộ GD&ĐT, các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục cấp trên. Các hoạt động hỗ trợ giáo dục luôn được quan tâm như:

Tổ chức các hoạt động ngoại khóa, hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm nhằm nâng cao chất lượng giáo dục. Nhà trường xây dựng kế hoạch phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và từng bước triển khai thực hiện có hiệu quả. Kết quả xếp loại giáo dục của học sinh đáp ứng mục tiêu giáo dục. Tổ chức tuyên truyền giáo dục sức khỏe cho HS qua các buổi học chính khóa như: Dạy lồng ghép giáo dục sức khỏe, giáo dục bảo vệ môi trường và qua các buổi sinh hoạt ngoại khóa, các tranh ảnh bài viết tuyên truyền về phòng bệnh, phòng dịch. Hiệu quả hoạt động giáo dục của nhà trường ngày càng cao. Giáo dục, rèn luyện kỹ năng sống, tạo cơ hội để HS tham gia vào quá trình học tập một cách tích cực, chủ động, sáng tạo.

Tiêu chí 5.1. Kế hoạch giáo dục của nhà trường

Mức 1:

- a) Đảm bảo theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học, các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục;*
- b) Đảm bảo mục tiêu giáo dục toàn diện thông qua các hoạt động giáo dục được xây dựng trong kế hoạch;*
- c) Được giải trình và được cơ quan có thẩm quyền xác nhận.*

Mức 2:

- a) Đảm bảo tính cập nhật các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục;*
- b) Được phổ biến, công khai để giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh, cộng đồng biết và phối hợp, giám sát nhà trường thực hiện kế hoạch;*
- c) Tăng cường phối hợp với cha mẹ học sinh, với cộng đồng trong công tác giám sát việc.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hằng năm, nhà trường có xây dựng Kế hoạch giáo dục. Kế hoạch giáo dục nhà trường đảm bảo yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học được quy định tại Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006 và Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GD&ĐT, đảm bảo các quy định về chuyên môn của Phòng GD&ĐT Cam Ranh [H1-1.8- 01]; [H1-1.8-04];

Kế hoạch giáo dục của nhà trường được xây dựng phù hợp với tình hình thực tế của trường, đảm bảo mục tiêu giáo dục toàn diện thông qua các hoạt động giáo dục được xây dựng trong kế hoạch, được triển khai thực hiện cụ thể qua kế hoạch triển khai nhiệm vụ của bộ phận chuyên môn và kế hoạch dạy học của tổ chuyên môn [H5-5.1-01]; [H5-5.1-02];

Kế hoạch giáo dục của nhà trường hằng năm đều báo cáo về Phòng GD&ĐT Cam Ranh và được Phòng GD&ĐT xác nhận [H1-1.8- 01].

Mức 2:

Kế hoạch giáo dục của nhà trường được xây dựng trên căn cứ kế hoạch thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học hằng năm, các văn bản chỉ đạo chuyên môn của Sở GD&ĐT Khánh Hòa và Phòng GD&ĐT Cam Ranh, đảm bảo cập nhật kịp thời các quy định mới về chuyên môn [H1-1.1-04]; [H1-1.8- 01]; [H1-1.8-03]; [H1-1.8-04];

Kế hoạch hoạt động của nhà trường được phổ biến, công khai trong các cuộc họp của Hội đồng sư phạm để CBQL, GV, NV biết và thực hiện [H1-1.1-03]; được công khai trong các cuộc họp của cha mẹ HS để cha mẹ học HS biết, phối hợp giám sát việc thực hiện [H4-4.1-01]; [H4-4.1-04]; [H1-1.2-01]; được niêm yết công khai tại bảng thông báo [5.1- 03]; được đưa lên cổng thông tin điện tử của trường để cộng đồng biết và giám sát thực hiện [1.1-06]. Tuy nhiên, việc cập nhật kế hoạch giáo dục lên cổng thông tin điện tử của nhà trường chưa kịp thời nên công tác phối hợp, giám sát việc thực hiện kế hoạch của cộng đồng đạt hiệu quả chưa cao.

2. Điểm mạnh

Kế hoạch giáo dục của nhà trường thực hiện đúng theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học, đảm bảo mục tiêu giáo dục toàn diện, các quy định về chuyên môn của các cấp quản lý giáo dục; được Phòng GD&ĐT Cam Ranh xác nhận; được phổ biến, công khai để CBQL, GV, NV biết và thực hiện, cha mẹ HS biết và phối hợp, giám sát.

3. Điểm yếu

Việc phổ biến Kế hoạch giáo dục để cha mẹ HS được biết để tham gia phối hợp, giám sát đôi lúc còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường sẽ cập nhật Kế hoạch giáo dục lên cổng thông tin điện tử của nhà trường; đồng thời dùng các hình thức khác để đưa thông tin kịp thời đến CBQL, GV, NV và CMHS như: hệ thống VnEdu, hộp thư công vụ, zalo, ... nhằm làm tốt công tác tuyên truyền, phối hợp và giám sát việc thực hiện kế hoạch giáo dục đạt hiệu quả cao hơn.

Thời gian thực hiện từ năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Tiêu chí 5.2. Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học

Mức 1:

a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục đảm bảo mục tiêu giáo dục;

b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường;

c) Thực hiện đúng quy định về đánh giá học sinh tiểu học.

Mức 2:

a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;

b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

Mức 3:

Hàng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trên cơ sở Kế hoạch giáo dục nhà trường, Hiệu trưởng chỉ đạo các tổ chuyên môn xây dựng Kế hoạch dạy học theo từng khối lớp. Bộ phận chuyên môn đã triển khai cho các tổ khối tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo

dục đảm bảo mục tiêu giáo dục [H5-5.1-01]; [H5-5.1-02]; [H1-1.4-05]. Thời khóa biểu và kế hoạch giảng dạy hàng ngày của GV đảm bảo số tiết, số môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định [H5-5.2-01]; [5.2-02];

Nhà trường đã chỉ đạo GV thực hiện soạn, giảng đảm bảo mục tiêu, nội dung dạy học, vận dụng các phương pháp, kỹ thuật, hình thức dạy học tích cực, tổ chức các hoạt động dạy học phù hợp đối tượng HS và điều kiện nhà trường [5.2-03]. Một số GV lớn tuổi còn hạn chế trong việc áp dụng các phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực;

Nhà trường đã tổ chức tập huấn, triển khai cho GV thực hiện đánh giá HS theo Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 28/9/2016 và Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy định đánh giá HS tiểu học [H5-5.2-04]. Nhà trường tổ chức đánh giá HS đúng theo các quy định hiện hành [H5-5.2-05]; [5.2-06].

Mức 2:

Để thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục, nhà trường đã tổ chức dạy đủ các môn học và các hoạt động giáo dục bắt buộc. Ngoài ra, nhà trường còn tổ chức dạy học các môn tự chọn như Tiếng Anh lớp 1, lớp 2, Tin học lớp 4, lớp 5 [H5-5.2-01]; chỉ đạo GV đổi mới trong công tác dạy học, lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của HS [5.2-03];

Hằng năm, bộ phận chuyên môn và các tổ chuyên môn đều chủ động xây dựng kế hoạch tổ chức các phong trào, hội thi cho HS có năng khiếu, HS có năng lực xuất sắc trong học tập [H5-5.2-07]; [H5-5.2-08]; [H2-2.4-05]; GV tổ chức phụ đạo cho HS còn hạn chế về năng lực, phẩm chất, hạn chế tiếp thu kiến thức [H5-5.2-09]; tổ chức dạy học cho HS khuyết tật học hòa nhập [H5-5.2-10]; [H2-2.4-04].

Mức 3:

Nhà trường tổ chức rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của GV, HS, cụ thể như: tổ chức sinh hoạt chuyên đề, sinh hoạt chuyên môn

theo nghiên cứu bài học, tổ chức Hội thi GV dạy giỏi cấp trường, viết sáng kiến [H1-1.4-06]; [H1-1.4-07]; [H5-5.2-11]; [H5-5.2-12]; [H5-5.2-13]; [H1-1.2-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục bắt buộc; có tổ chức dạy học các môn tự chọn và các chương trình ngoại khóa, tổ chức cho HS tham gia các phong trào, hội thi đạt hiệu quả.

3. Điểm yếu

Một số GV lớn tuổi còn hạn chế trong việc áp dụng các phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường thường xuyên tổ chức trao đổi chuyên môn, tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học; tăng cường công tác dự giờ để GV chia sẻ học tập kinh nghiệm và nâng cao kỹ năng vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực trong từng tiết dạy.

Thời gian thực hiện từ năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 5.3. Thực hiện các hoạt động giáo dục khác

Mức 1:

a) Đảm bảo theo kế hoạch;

b) Nội dung và hình thức các hoạt động phong phú, phù hợp điều kiện của nhà trường;

c) Đảm bảo cho tất cả học sinh được tham gia.

Mức 2:

Được tổ chức có hiệu quả, tạo cơ hội cho học sinh tham gia tích cực, chủ động, sáng tạo.

Mức 3:

Nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động phân hóa theo nhu cầu, năng lực sở trường của học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Ngoài Kế hoạch giáo dục của nhà trường, hằng năm, căn cứ các văn bản hướng dẫn của ngành và Hội đồng Đội các cấp, nhà trường chỉ đạo bộ phận chuyên môn, Tổng phụ trách Đội và các NV xây dựng Kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục khác, như: Kế hoạch hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp; Kế hoạch giáo dục kỹ năng sống; Kế hoạch tổ chức các hoạt động chào mừng các ngày lễ lớn 20/11; 22/12; 08/3; 26/3; 15/4... nhằm tuyên truyền lịch sử, truyền thống cách mạng địa phương; giáo dục pháp luật, đạo đức lối sống, kỹ năng sống, phát triển năng lực, bồi dưỡng năng khiếu cho HS. Các kế hoạch được xây dựng cụ thể, phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường, được GV và HS thực hiện đầy đủ đảm bảo theo kế hoạch đề ra [H5-5.3-01]; [H5-5.3-02]; [H5-5.3-03]; [H4-4.2-05]; [H4-4.2-06];

Các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động ngoại khóa có nội dung và hình thức tổ chức phong phú, phù hợp điều kiện của nhà trường, như hoạt động “Ngày hội trăng rằm”; hội thi dân vũ; trò chơi dân gian; Hội khỏe Phù Đổng; tổ chức sinh hoạt kỷ niệm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam 22/12; các hội thi chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam; Hội diễn văn nghệ mừng Đảng, mừng Xuân, Tết trồng cây, chăm sóc cây xanh vườn trường; tổ chức cho đội viên thăm viếng Đài tưởng niệm, tượng đài Gạc Ma, thăm gia đình có công với Cách mạng [H5-5.3-01]; [H5-5.3-02]; [H5-5.3-03]; [H4-4.2-05]; [H4-4.2-06];

Các hoạt động giáo dục khác đều được lên kế hoạch đầy đủ, công khai trong Hội đồng sư phạm nhà trường nên được tổ chức có hiệu quả, đảm bảo cho tất cả HS được tham gia. Đa số HS đều tích cực tham gia theo kế hoạch chung của nhà trường và đạt hiệu quả [H5-5.3-01]; [H5-5.3-02]; [H5-5.3-03]; [H5-5.2-08]; [H5-5.3-04]; [H4-4.2-05]; [H4-4.2-06].

Mức 2:

Các hoạt động giáo dục khác được tổ chức có hiệu quả, phù hợp với lứa tuổi HS, mang ý nghĩa giáo dục cao, tạo cơ hội cho HS tham gia tích cực, chủ động, sáng tạo, góp phần rèn luyện đạo đức, giáo dục kỹ năng sống, phát triển năng lực, bồi

đưỡng năng khiếu cho HS [H5-5.3-03]; [H5-5.3-04]; [H5-5.3-05]; [H4-4.2-05]; [H4-4.2-06].

Mức 3:

Nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục ngoại khóa, ngoài giờ lên lớp đa dạng, được tổ chức có hiệu quả [H5-5.3-03]; [H5-5.3-04]. Tuy nhiên việc tổ chức các hoạt động giáo dục khác theo nhu cầu của từng HS chưa được phân hóa cao.

2. Điểm mạnh

Nhà trường tổ chức các hoạt động giáo dục khác đúng theo kế hoạch với các hình thức đa dạng, phong phú, phù hợp với lứa tuổi, góp phần rèn luyện đạo đức, giáo dục kỹ năng sống, phát triển năng lực, bồi dưỡng năng khiếu cho HS.

3. Điểm yếu

Việc tổ chức các hoạt động giáo dục khác theo nhu cầu của từng HS chưa được phân hóa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường chỉ đạo GVCN phối hợp với GV Tổng phụ trách Đội, trưởng ban Văn thể mỹ rà soát, đánh giá nhu cầu, năng lực sở trường của HS để có kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục khác phù hợp với HS.

Thời gian thực hiện từ năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 5.4. Công tác phổ cập giáo dục tiểu học

Mức 1:

a) Thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục theo phân công;

b) Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 90%;

c) Quản lý hồ sơ, số liệu phổ cập giáo dục tiểu học đúng quy định.

Mức 2:

Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 95%.

Mức 3:

Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 98%;

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hằng năm, nhà trường đã cử CBQL, GV, NV thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục theo sự phân công của Ban chỉ đạo phổ cập giáo dục ở địa phương [H5-5.4-01]; cập nhật thông tin trong sổ đăng bộ HS kịp thời, đầy đủ [H2-2.4-01]. Tuy nhiên, do tình hình dân cư biến động, số hộ dân tạm trú đông nên việc lập phiếu điều tra, cập nhật thông tin trong phiếu điều tra có thời điểm chưa kịp thời, chưa đầy đủ;

Hằng năm, nhà trường có xây dựng Kế hoạch tuyển sinh lớp 1, phối hợp với chính quyền địa phương thông báo tuyển sinh lớp 1 trên toàn địa bàn phường. Nhờ thực hiện tốt công tác phối hợp nên từ năm học 2019-2020 đến nay, trong địa bàn tuyển sinh của trường, tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 luôn đạt 100%. Năm học 2022-2023 tuyển sinh vào lớp 1 là 158/158 (tỷ lệ 100%) [H5-5.4-02];

Nhà trường lưu trữ đầy đủ các văn bản chỉ đạo về công tác phổ cập giáo dục; thiết lập, quản lý hồ sơ, báo cáo thống kê số liệu phổ cập giáo dục tiểu học đúng quy định, góp phần giữ vững kết quả công tác phổ cập giáo dục tiểu học tại địa bàn phường Cam Linh với mức độ 3 [H5-5.4-03]; [H5-5.4-04].

Mức 2:

Từ năm học 2019-2020 đến nay, trong địa bàn tuyển sinh của trường, tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 luôn đạt 100%. Năm học 2022-2023 tuyển sinh vào lớp 1 là 158/158 (tỷ lệ 100%) [H5-5.4-02].

Mức 3:

Từ năm học 2018-2019 đến nay, trong địa bàn tuyển sinh của trường, tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 luôn đạt 100%. Năm học 2022-2023 tuyển sinh vào lớp 1 là 158/158 (tỷ lệ 100%) [H5-5.4-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện có hiệu quả công tác phổ cập giáo dục tiểu học theo nhiệm vụ được phân công. Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 luôn đạt 100%. Năm học

2022-2023 tuyển sinh vào lớp 1 là 158/158 (tỷ lệ 100%). Kết quả công tác phổ cập giáo dục tiểu học tại địa bàn phường Cam Linh đạt mức độ 3.

3. Điểm yếu

Do tình hình dân cư biến động, số hộ dân tạm trú đông nên việc lập phiếu điều tra, cập nhật thông tin trong phiếu điều tra có thời điểm chưa kịp thời, chưa đầy đủ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường chủ động với tham mưu Ban chỉ đạo phổ cập giáo dục ở địa phương tuyên truyền rộng rãi công tác phổ cập giáo dục; phối hợp với Công an phường Cam Linh, các Tổ trưởng tổ dân phố; chỉ đạo GV, NV lập phiếu điều tra, cập nhật thông tin trên phiếu điều tra kịp thời, đầy đủ và chính xác.

Thời gian thực hiện từ năm học 2023-2024 và những năm học tiếp theo.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 5.5. Kết quả giáo dục

Mức 1:

- a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 70%;
- b) Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 65%;
- c) Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 80%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 70%.

Mức 2:

- a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 85%;
- b) Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học hàng năm đạt 80%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 70%, các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học.

Mức 3:

- a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 95%;
- b) Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học hàng năm đạt 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%, các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường luôn quan tâm, chỉ đạo chặt chẽ công tác giảng dạy của GV và học tập của HS. Vì vậy hằng năm, số HS hoàn thành chương trình lớp học đạt trên 99% [H5-5.5-01]; [H5-5.5-02]; [H5-5.2-05]; [H5-5.2-06]. Một số HS khó khăn về học còn hạn chế trong học tập và sinh hoạt nên ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục cũng như các hoạt động chung của lớp, của trường;

Từ năm học 2019-2020 đến năm 2022-2023, tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt trên 98%. Năm học 2022-2023, tổng số HS 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt 173/176 (tỷ lệ 98,3%); số trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học [H5-5.5-03]; [H2-2.4-01];

Hằng năm, tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt trên 99% [H2-2.4-01].

Mức 2:

Hằng năm, tỷ lệ HS hoàn thành chương trình lớp học luôn đạt trên 99%. Năm học 2022-2023, tổng số HS hoàn thành chương trình lớp học đạt 795/795 (tỷ lệ 100%) [H5-5.5-01]; [H5-5.5-02]; [H5-5.2-05];

Hằng năm, tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học luôn đạt trên 98%. Năm học 2022-2023, tổng số HS 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt 173/176 (tỷ lệ 98,3%), số trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học [H5-5.5-03]; [H2-2.4-01].

Mức 3:

Hằng năm, tỷ lệ HS hoàn thành chương trình lớp học luôn đạt trên 99%. Năm học 2022-2023, tổng số HS hoàn thành chương trình lớp học đạt 795/795 (tỷ lệ 100%) [H5-5.5-01]; [H5-5.5-02]; [H5-5.2-05];

Hằng năm, tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học luôn đạt trên 98%. Năm học 2022-2023, tổng số HS 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt 173/176 (tỷ lệ 98,3%), số trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học [H5-5.5-03]; [H2-2.4-01].

2. Điểm mạnh

Hàng năm, tỷ lệ HS hoàn thành chương trình lớp học đạt trên 99%, trong đó có 3 năm đạt 100%; trẻ 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đều đạt trên 98%.

3. Điểm yếu

Một số HS khó khăn về học còn hạn chế trong học tập và sinh hoạt nên ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục cũng như các hoạt động chung của lớp, của trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường chỉ đạo GVCN phối hợp với GV bộ môn quan tâm, hỗ trợ HS khó khăn về học trong quá trình học tập và các hoạt động giáo dục ở trường; phối hợp, tư vấn với gia đình kiểm tra sức khỏe để kịp thời can thiệp, giúp các em sớm hòa nhập với các bạn.

Thời gian thực hiện từ năm học 2023-2024 và những năm học tiếp theo.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

Trường Tiểu học Cam Linh đã thực hiện đánh giá kết quả về các mặt học tập, giáo dục thể chất, hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm của HS trong những năm qua luôn ổn định và từng bước được nâng cao.

Nhà trường thực hiện đầy đủ chương trình và kế hoạch năm học, các kế hoạch dạy học, thời khóa biểu giảng dạy được nhà trường xây dựng phù hợp với đối tượng HS dựa vào chuẩn kiến thức, kỹ năng, từ đó làm cơ sở cho việc quản lý chỉ đạo và đánh giá chất lượng HS.

Tổ chức hiệu quả các hoạt động dự giờ, thăm lớp, sinh hoạt chuyên môn để cải tiến phương pháp dạy học và tổ chức cho HS tham gia các hoạt động tập thể.

Kết quả đánh giá về năng lực, phẩm chất và kiến thức, kỹ năng của HS ổn định, đúng thực chất. Kết hợp chặt chẽ với gia đình và xã hội trong việc quản lý và giáo dục HS.

Số lượng và tỷ lệ phần trăm các tiêu chí đạt và không đạt:

- + Mức 1: Đạt 05/05 tiêu chí - tỷ lệ 100%;
- + Mức 2: Đạt 05/05 tiêu chí - tỷ lệ 100%;
- + Mức 3: Đạt 04/04 tiêu chí - tỷ lệ 100%.

II. TỰ ĐÁNH GIÁ-TIÊU CHÍ MỨC 4

Tiêu chí 1: *Kế hoạch giáo dục của nhà trường có những nội dung được tham khảo Chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, phù hợp, hiệu quả và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.*

1. Mô tả hiện trạng

Kế hoạch giáo dục của nhà trường chưa có những nội dung được tham khảo Chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới. Tuy nhiên, đội ngũ CB, GV cốt cán của nhà trường có trình độ đại học [H2-2.1-01]; [H2-2.2-03], có năng lực chuyên môn cao nên có thể tham khảo nội dung chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực để xây dựng Kế hoạch giáo dục nhà trường một cách phù hợp, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục hiệu quả.

2. Điểm mạnh

Đội ngũ CB, GV cốt cán của nhà trường có trình độ đại học, có năng lực chuyên môn cao nên có thể tham khảo nội dung chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực để xây dựng Kế hoạch giáo dục nhà trường một cách phù hợp, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục hiệu quả.

3. Điểm yếu

Kế hoạch giáo dục của nhà trường chưa có những nội dung được tham khảo Chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2023-2024, tham mưu với lãnh đạo ngành từng bước đưa vào kế hoạch giáo dục của nhà trường những nội dung được tham khảo Chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, phù hợp, hiệu quả và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

5. Tự đánh giá: Không đạt

Tiêu chí 2: *Đảm bảo 100% cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục dành cho từng cá nhân với sự tham gia của nhà trường, các tổ chức, cá nhân liên quan.*

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường có kế hoạch dạy học cho HS có hoàn cảnh khó khăn, khuyết tật học hòa nhập; HS có năng khiếu [H5-5.2-09]; [H5-5.2-10] nhưng chưa đảm bảo 100% số HS có hoàn cảnh khó khăn, HS có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục dành cho từng cá nhân với sự tham gia của nhà trường, các tổ chức, cá nhân liên quan.

2. Điểm mạnh

Nhà trường, địa phương và CMHS luôn luôn quan tâm đến HS có hoàn cảnh khó khăn, HS có năng khiếu để hoàn thành mục tiêu giáo dục.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa đảm bảo 100% số HS có hoàn cảnh khó khăn, HS có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục dành cho từng cá nhân với sự tham gia của nhà trường, các tổ chức, cá nhân liên quan.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2023-2024, nhà trường, các tổ chức, cá nhân liên quan xây dựng chương trình, kế hoạch phối hợp chặt chẽ để hướng dẫn, giúp đỡ HS có hoàn cảnh khó khăn, HS có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục.

5. Tự đánh giá: Không đạt

***Tiêu chí 3:** Thư viện có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại, có kết nối Internet đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường; có nguồn tài liệu truyền thống và tài liệu số phong phú đáp ứng yêu cầu các hoạt động nhà trường.*

1. Mô tả hiện trạng

Thư viện trường có 02 máy tính được kết nối Internet để phục vụ công tác quản lý thư viện [3.6-01]; có nguồn tài liệu truyền thống [H3-3.6-02] tuy nhiên chưa có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại, chưa có nguồn tài liệu số phong phú đáp ứng yêu cầu các hoạt động nhà trường.

2. Điểm mạnh

Thư viện có máy tính được kết nối Internet để phục vụ công tác quản lý, có nguồn tài liệu truyền thống phong phú.

3. Điểm yếu

Thư viện chưa có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại chưa đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường. Thư viện chưa thực hiện tài liệu số.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2023-2024 trở đi, nhà trường có kế hoạch bổ sung cơ sở vật chất, công nghệ thông tin cho thư viện nhằm đáp ứng yêu cầu các hoạt động nhà trường.

5. Tự đánh giá: Không đạt

***Tiêu chí 4:** Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.*

1. Mô tả hiện trạng

Hàng năm, nhà trường đều hoàn thành kế hoạch giáo dục đề ra, đạt tiêu chuẩn về hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục, góp phần hoàn thành mục tiêu phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường [H1-1.8-03]. Tuy nhiên, trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường chưa hoàn thành các mục tiêu về cơ sở vật chất theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.

2. Điểm mạnh

Hàng năm, nhà trường đều hoàn thành kế hoạch giáo dục đề ra, đạt tiêu chuẩn về hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục, góp phần hoàn thành mục tiêu phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.

3. Điểm yếu

Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường chưa hoàn thành các mục tiêu về cơ sở vật chất theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023 – 2024 và các năm tiếp theo nhà trường thường xuyên kiểm tra, rà soát, đánh giá các mục tiêu đã đề ra theo kế hoạch và bổ sung các mục tiêu mới để phát triển nhà trường đúng theo chiến lược phát triển của đơn vị.

5. Tự đánh giá: Không đạt

Tiêu chí 5: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có ít nhất 02 năm có kết quả giáo dục, các hoạt động khác của nhà trường vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng, được các cấp thẩm quyền và cộng đồng ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng

Từ năm học 2018-2019 đến năm 2022-2023, kết quả giáo dục và các hoạt động khác của nhà trường đều hoàn thành theo kế hoạch đề ra hằng năm. Có 2 năm nhà trường đạt danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc, được UBND tỉnh Khánh Hòa, UBND thành phố Cam Ranh tặng Bằng khen, Giấy khen [H1-1.8-05]. Tuy nhiên kết quả giáo dục và các hoạt động khác của nhà trường chưa vượt trội hơn so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng.

2. Điểm mạnh

Nhà trường luôn đẩy mạnh công tác dạy và học. Vì thế chất lượng giáo dục ngày càng phát triển và bền vững. Bên cạnh đó, nhà trường luôn tổ chức các hoạt động ngoại khóa, giáo dục kỹ năng sống cho HS trong từng chủ điểm của nhà trường. Các hoạt động luôn được CMHS hưởng ứng tích cực, được các cấp thẩm quyền và cộng đồng ghi nhận.

3. Điểm yếu

Kết quả giáo dục và các hoạt động khác của nhà trường chưa đạt vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023 - 2024 và những năm học tiếp theo, nhà trường duy trì và phát huy hơn nữa những mặt mạnh đã đạt được, tiếp tục bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho GV để nâng cao chất lượng dạy học; tạo điều kiện cho GV, HS tham gia các hoạt động ngoại khóa để đạt kết quả ngày càng cao hơn, vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng.

5. Tự đánh giá: Không đạt

Kết luận:

Kế hoạch giáo dục của trường phù hợp, đạt hiệu quả với tình hình hiện nay. HS hoàn thành được mục tiêu giáo dục. Trường đã xây dựng phương hướng, chiến lược có tính khả thi và được cấp trên phê duyệt.

Từ năm học 2023-2024, trường tham khảo và vận dụng Chương trình giáo dục tiên tiến, để đưa vào thực hiện góp phần nâng cao chất lượng giáo dục cho phù hợp và đạt hiệu quả. Phối hợp với các tổ chức và cá nhân liên quan giảng dạy để HS có hoàn cảnh khó khăn, HS có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục.

Số lượng và tỷ lệ phần trăm các tiêu chí đạt và không đạt Mức 4:

Đạt: 0/05 tiêu chí – tỷ lệ 0%; Không đạt: 05/05 tiêu chí – tỷ lệ 100%.

Phần III

KẾT LUẬN CHUNG

Trong quá trình TĐG theo 5 tiêu chuẩn mà Bộ GD&ĐT đã ban hành theo Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ GD&ĐT Ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt CQG, tập thể CB, GV, NV, HS và CMHS Trường Tiểu học Cam Linh đã xây dựng và đạt được trong những năm qua về công tác tổ chức và quản lý nhà trường; chất lượng đội ngũ CBQL, GV, NV và HS; công tác đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học; mối quan hệ chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và xã hội; chất lượng hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục đạt được là tiêu chuẩn phản ánh chính xác, khách quan nhất chất lượng giáo dục của nhà trường.

Đối chiếu các thành quả về hoạt động giáo dục mà nhà trường đã đạt được trong những năm qua với bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục của Bộ GD&ĐT ban hành kèm theo Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT, nhà trường đã đạt được những kết quả cụ thể về các tiêu chí như sau:

- Số lượng và tỷ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

+ Mức 1: Đạt 27/27 tiêu chí - tỷ lệ 100%;

+ Mức 2: Đạt 27/27 tiêu chí - tỷ lệ 100%;

+ Mức 3: Đạt 04/19 tiêu chí - tỷ lệ 21,0%; Không đạt: 15/19 tiêu chí – tỷ lệ 79,0%;

- Số lượng và tỷ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 4:

+Đạt: 0/05 tiêu chí – tỷ lệ 00%; Không đạt: 05/05 tiêu chí – tỷ lệ 100%.

Tự đánh giá của cơ sở giáo dục: **Đạt Mức 2**

Căn cứ mục c, khoản 2, Điều 34; mục b, khoản 2, Điều 35 của Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT, Trường Tiểu học Cam Linh xét đủ điều kiện đề nghị đánh giá và công nhận đạt Kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2 và đạt CQG Mức độ 1./.

Cam Linh, ngày 19 tháng 3 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

Văn Nhân

DANH MỤC MÃ MINH CHỨNG – TIỂU HỌC CAM LINH

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Thời điểm ban hành, khảo sát	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Ghi chú
TIÊU CHUẨN 1. Tổ chức và quản lý nhà trường					
Tiêu chí 1.1. Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường					
01	[H1-1.1-01]	Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	HT
02	[H1-1.1-02]	Nghị quyết hằng năm của Đảng ủy phường Cam Linh	2018-2019 đến 2022-2023	Đảng ủy P Cam Linh	Chi bộ
03	[H1-1.1-03]	Quyết định phê duyệt Kế hoạch chiến lược phát triển	2018-2019 đến 2022-2023	Phòng GDĐT Cam Ranh	HT
04	[H1-1.1-04]	Biên bản họp Hội đồng sư phạm	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	HT
05	[1.1-05]	Bảng công khai; Quy chế Công khai theo TT36	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	HT
06	[1.1-06]	Cổng thông tin điện tử của trường (Website: gvth.net)	2023	Trường TH Cam Linh	gvth.net
07	[H1-1.1-07]	Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	HT
08	[H1-1.1-08]	Báo cáo kết quả thực hiện và kế hoạch điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	HT
Tiêu chí 1.2. Hội đồng trường và các hội đồng khác					
01	[H1-1.2-01]	Hồ sơ Hội đồng trường; Hồ sơ Hội đồng Tư vấn TLHĐ	2018-2019 đến 2022-2023	UBND TP Cam Ranh	HT

02	[H1-1.2-02]	Hồ sơ Hội đồng Thi đua khen thưởng	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	HT
03	[H1-1.2-03]	Hồ sơ Hội đồng Tự đánh giá	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	HT
04	[H1-1.2-04]	Hồ sơ Hội đồng Sáng kiến	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	BPCM
05	[H1-1.2-05]	Hồ sơ Hội đồng Kiểm tra, đánh giá HS	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	BPCM

Tiêu chí 1.3. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

01	[H1-1.3-01]	Hồ sơ tổ chức Công đoàn cơ sở (Quyết định chuẩn y BCH; Quy chế, Kế hoạch, Báo cáo sơ, tổng kết; Thông báo kết quả đánh giá của tổ chức Công đoàn)	2018-2019 đến 2022-2023	LĐLĐ TP Cam Ranh	Công đoàn
02	[H1-1.3-02]	Hồ sơ tổ chức Liên đội (Quyết định chuẩn y Ban chỉ huy Liên đội; Chương trình hoạt động; Báo cáo sơ, tổng kết; Thông báo kết quả đánh giá tổ chức Liên đội)	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	Đội
03	[H1-1.3-03]	Danh sách Ban đại diện cha mẹ học sinh; Quy chế hoạt động của Ban đại diện cha mẹ HS	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	HT
04	[H1-1.3-04]	Hồ sơ tổ chức Chi bộ (Quyết định chuẩn y Chi ủy; Kế hoạch chi bộ; Thông báo kết quả đánh giá tổ chức đảng)	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	Chi bộ

Tiêu chí 1.4. Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

01	[H1-1.4-01]	Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng	2018-2019 đến 2022-2023	UBND TP Cam Ranh	Hồ sơ VC
02	[H1-1.4-02]	Quyết định bổ nhiệm Phó hiệu trưởng	2018-2019 đến 2022-2023	UBND TP Cam Ranh	Hồ sơ VC
03	[H1-1.4-03]	Quyết định thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	HT

04	[H1-1.4-04]	Quyết định bổ nhiệm Tổ trưởng, Tổ phó	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	HT
05	[H1-1.4-05]	Kế hoạch hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	BPCM, VP
06	[H1-1.4-06]	Hồ sơ chuyên đề của tổ chuyên môn; Hồ sơ GVDG cấp trường; Hồ sơ GVCN giỏi cấp trường.	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	BPCM
07	[H1-1.4-07]	Biên bản sinh hoạt của tổ chuyên môn và tổ văn phòng	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	BPCM,VP
08	[H1-1.4-08]	Sổ kế hoạch và theo dõi hoạt động tổ chuyên môn	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	BPCM, VP
Tiêu chí 1.5. Khối lớp và tổ chức lớp học					
01	[H1-1.5-01]	Danh sách học sinh các lớp	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	BPCM
02	[H1-1.5-02]	Sổ chủ nhiệm	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	BPCM
03	[H1-1.5-03]	Giáo án tiết Sinh hoạt lớp	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	BPCM
04	[H1-1.5-04]	Hình ảnh hoạt động của lớp học	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	Châu Long
Tiêu chí 1.6. Quản lý hành chính, tài chính và tài sản					
01	[H1-1.6-01]	Sổ quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên (Sổ đăng bộ)	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	VT
02	[H1-1.6-02]	Hồ sơ quản lý tài chính của nhà trường	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	BP Kế toán
03	[H1-1.6-03]	Hồ sơ quản lý tài sản của nhà trường	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	BP Kế toán
04	[H1-1.6-04]	Sổ quản lý các văn bản	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	VT

05	[H1-1.6-05]	Hồ sơ học sinh khuyết tật học hòa nhập	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	BPCM
06	[H1-1.6-06]	Quy định phân công nhiệm vụ thiết lập, quản lý, lưu trữ hồ sơ	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	HT
07	[1.6-07]	Tủ lưu trữ hồ sơ của các bộ phận trong nhà trường	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	Các bộ phận
08	[H1-1.6-08]	Biên bản tự kiểm tra tài chính, tài sản hàng năm	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	Bp Kế toán
09	[H1-1.6-09]	Hồ sơ công khai tài chính, tài sản hàng năm	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	BP Kế toán
10	[H1-1.6-10]	Quy chế chi tiêu nội bộ	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	BP Kế toán
11	[1.6-11]	Cơ sở dữ liệu ngành, phần mềm quản lý tài sản, tài chính...	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	BP Kế toán
12	[H1-1.6-12]	Kết luận kiểm tra của Phòng GDĐT, Phòng Tài chính	2018-2019 đến 2022-2023	Phòng GDĐT	BP Kế toán
13	[H1-1.6-13]	Dự toán ngân sách hàng năm	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	BP Kế toán

Tiêu chí 1.7. Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

01	[H1-1.7-01]	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ CB, GV, NV	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	HT
02	[H1-1.7-02]	Kế hoạch và kết quả bồi dưỡng thường xuyên	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	BPCM
03	[H1-1.7-03]*	Quyết định phân công nhiệm vụ CB, GV, NV nhà trường	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	HT
04	[H1-1.7-04]*	KH xây dựng Môi trường văn hóa trường học; Quyết định ban hành Quy tắc ứng xử trong trường học.	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	HT

05	[H1-1.7-05]	Kế hoạch và báo cáo công tác kiểm tra nội bộ trường học	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	BPCM
Tiêu chí 1.8. Quản lý các hoạt động giáo dục					
01	[H1-1.8-01]	Kế hoạch giáo dục nhà trường	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	BPCM
02	[1.8-02]	Kế hoạch tháng của trường (niêm yết Văn phòng)	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	HT
03	[H1-1.8-03]	Báo cáo sơ kết, tổng kết của nhà trường	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	HT
04	[H1-1.8-04]	Biên bản kiểm tra công tác giáo dục của Phòng GDĐT.	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	HT
05	[H1-1.8-05]	Giấy khen, Bằng khen của Trường		Trường TH Cam Linh	VT
Tiêu chí 1.9. Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở					
01	[H1-1.9-01]	Hồ sơ Hội nghị cán bộ, viên chức hàng năm	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	Công đoàn
02	[H1-1.9-02]	Sổ tiếp công dân; Quy chế Tiếp công dân.	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	HT
03	[H1-1.9-03]	Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	CĐCS
04	[H1-1.9-04]	Báo cáo việc thực hiện quy chế dân chủ	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	HT
05	[1.9-05]	Bảng công khai có niêm yết Quy chế dân chủ	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	Bảng niêm yết
06	[H1-1.9-06]	Báo cáo tổng kết của Ban thanh tra nhân dân	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	Công đoàn
Tiêu chí 1.10. Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học					
01	[H1-1.10-01]	Kế hoạch ANTT; ATGT; phòng chống cháy nổ, thiên tai.	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	HT

02	[H1-1.10-02]	Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh; tai nạn thương tích...	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	BP Y tế - HT
03	[H1-1.10-03]	Kế hoạch phòng chống tệ nạn xã hội, bạo lực học đường, phòng chống tội phạm, tham nhũng.	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	HT
04	[H1-1.10-04]	Hồ sơ khám sức khỏe của NV Bếp ăn bán trú	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	BP Bán trú
05	[1.10-05]	Hộp thư góp ý	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	Văn phòng
06	[H1-1.10-06]	Kế hoạch thực hiện bình đẳng giới và bạo lực trên cơ sở giới	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	HT
07	[H1-1.10-07]	Quyết định công nhận đơn vị đạt An toàn về an ninh trật tự	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	HT
08	[H1-1.10-08]	Quyết định công nhận đơn vị đạt chuẩn Cơ quan văn hóa	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	CĐCS
09	[H1-1.10-09]	Quy chế phối hợp giữa nhà trường và công an phường.	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	HT
10	[H1-1.10-10]	Biên bản kiểm tra công tác phòng cháy, chữa cháy	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	HT
11	[H1-1.10-11]	Các kế hoạch tập huấn phòng chống dịch bệnh...	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	BP Y tế
12	[H1-1.10-12]	Hình ảnh tuyên truyền phòng chống dịch bệnh, an toàn giao thông	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	Châu Long

TIÊU CHUẨN 2. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh

Tiêu chí 2.1. Đối với Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng

01	[H2-2.1-01]	Các QĐ tuyển dụng, bổ nhiệm; văn bằng, chứng chỉ của HT	2018-2019 đến 2022-2023		Hồ sơ VC
----	-------------	---	----------------------------	--	----------

02	[H2-2.1-02]	Các QĐ tuyển dụng, bổ nhiệm; văn bằng, chứng chỉ của PHT	2018-2019 đến 2022-2023		Hồ sơ VC
03	[H2-2.1-03]	Kết quả đánh giá chuẩn Hiệu trưởng	2018-2019 đến 2022-2023	Phòng GDĐT Cam Ranh	Hồ sơ VC
04	[H2-2.1-04]	Kết quả đánh giá chuẩn phó Hiệu trưởng	2018-2019 đến 2022-2023	Phòng GDĐT Cam Ranh	Hồ sơ VC
05	[H2-2.1-05]	Kết quả học chính trị hè; Bồi dưỡng về Lý luận chính trị	2018-2019 đến 2022-2023	Phòng GDĐT Cam Ranh	VT-Hồ sơ VC
06	[H2-2.1-06]	Biên bản họp đánh giá viên chức quản lý hàng năm	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	HT
Tiêu chí 2.2. Đối với giáo viên					
01	[H2-2.2-01]	Quyết định làm Tổng phụ trách Đội	2023		Hồ sơ VC
02	[H2-2.2-02]	Quyết định giao Số người làm việc	2023		BP Kế toán
03	[H2-2.2-03]	Văn bằng đào tạo trình độ chuyên môn của giáo viên, TPT	2018-2019 đến 2022-2023		Hồ sơ VC
04	[H2-2.2-04]	Kết quả đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	VT
05	[H2-2.2-05]	Kết quả đánh giá viên chức hàng năm	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	HT
Tiêu chí 2.3. Đối với nhân viên					
01	[H2-2.3-01]	Hợp đồng lao động của nhân viên	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	BP Kế toán
02	[H2-2.3-02]	Các văn bằng, chứng chỉ đào tạo của nhân viên	2018-2019 đến 2022-2023		Hồ sơ VC
Tiêu chí 2.4. Đối với học sinh					

01	[H2-2.4-01]	Sổ Đăng bộ (học sinh)	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	VT
02	[H2-2.4-02]	Học bạ, Sổ Liên lạc, Sổ Chủ nhiệm.	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	BPCM
03	[H2-2.4-03]	Hồ sơ khám sức khỏe HS	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	BP Y tế
04	[H2-2.4-04]	Kế hoạch giáo dục cá nhân HS khuyết tật	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	BPCM
05	[H2-2.4-05]	DS học sinh nhận học bổng, HS nhận hỗ trợ chi phí học tập, Hồ sơ HS khen thưởng qua các hoạt động nhà trường.	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	BP Kế toán
06	[H2-2.4-06]	Kết quả hội thi, giao lưu các cấp của học sinh	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	BPCM

TIÊU CHUẨN 3. Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Tiêu chí 3.1. Khuôn viên, sân chơi, bãi tập

01	[H3-3.1-01]	Hình ảnh khuôn viên, cảnh quang nhà trường (không có hàng quán xung quanh nhà trường)	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	Châu Long
02	[H3-3.1-02]	Hình ảnh cổng và bảng tên trường (3 điểm)	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	Châu Long
03	[H3-3.1-03]	Hình ảnh tường rào.	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	Châu Long
04	[H3-3.1-04]	Hình ảnh sân chơi, bãi tập được cải tạo hệ thống thoát nước.	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	Châu Long
05	[H3-3.1-05]	Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất (bản photo)	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	VT
06	[H3-3.1-06]	Hình ảnh các thiết bị vận động	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	Châu Long

07	[H3-3.1-07]	Danh mục các thiết bị TDDT	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	BP Thiết bị
<i>Tiêu chí 3.2. Phòng học</i>					
01	[H3-3.2-01]	Hồ sơ thiết kế các dãy phòng học	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	VT
02	[H3-3.2-02]	Hình ảnh các khối phòng phục vụ học tập	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	Châu Long
03	[H3-3.2-03]	Hình ảnh bàn ghế HS, bàn ghế giáo viên, bảng lớp	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	Châu Long
04	[H3-3.2-04]	Hình ảnh hệ thống đèn, quạt, tủ đựng đồ dùng trong lớp học	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	Châu Long
<i>Tiêu chí 3.3. Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính – quản trị</i>					
01	[H3-3.3-01]	Hình ảnh khối phòng hành chính – quản trị	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	Châu Long
02	[H3-3.3-02]	Hình ảnh nhà xe học sinh	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	Châu Long
03	[H3-3.3-03]	Hình ảnh nhà xe giáo viên	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	Châu Long
04	[H3-3.3-04]	Giấy chứng nhận nguồn nước sạch; Hình ảnh bếp ăn	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	BP Bán trú
05	[H3-3.3-05]	Hình ảnh tủ lưu trữ hồ sơ kế toán, văn thư	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	Châu Long
<i>Tiêu chí 3.4. Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước</i>					
01	[H3-3.4-01]	Hình ảnh nhà vệ sinh học sinh	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	Châu Long
02	[H3-3.4-02]	Hình ảnh nhà vệ sinh giáo viên	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	Châu Long

03	[H3-3.4-03]	Hợp đồng cung cấp nước uống, hóa đơn chứng từ liên quan	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	BP Kế toán
04	[H3-3.4-04]	Hợp đồng cung cấp nước sinh hoạt, hóa đơn chứng từ	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	BP Kế toán
05	[H3-3.4-05]	Hợp đồng xử lý rác thải, hóa đơn chứng từ liên quan	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	BP Kế toán
<i>Tiêu chí 3.5. Thiết bị</i>					
01	[H3-3.5-01]	Hình chụp Thiết bị văn phòng và các thiết bị khác	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	Châu Long
02	[H3-3.5-02]	Danh mục thiết bị dạy học của nhà trường	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	BP Thiết bị
03	[H3-3.5-03]	Biên bản kiểm kê thiết bị của nhà trường	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	BP Thiết bị
04	[H3-3.5-04]	Văn bản tài trợ dịch vụ sử dụng mạng internet	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	BP Thiết bị
05	[H3-3.5-05]	Hồ sơ mua sắm, bổ sung thiết bị	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	BP Thiết bị
06	[H3-3.5-06]	Hồ sơ đồ dùng dạy học tự làm của giáo viên	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	BP Thiết bị
07	[H3-3.5-07]	Hồ sơ bộ phận thiết bị	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	BP Thiết bị
08	[3.5-08]	Hình ảnh tivi, máy chiếu ở các phòng học, thiết bị	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	Châu Long
<i>Tiêu chí 3.6. Thư viện</i>					
01	[3.6-01]	Phòng Thư viện (hình ảnh)	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	Châu Long
02	[H3-3.6-02]	Danh mục sách báo, tài liệu thư viện nhà trường	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	BP Thư viện

03	[H3-3.6-03]	Hồ sơ cho GV, HS mượn sách	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	BP Thư viện
04	[H3-3.6-04]	Hồ sơ tổ chức các hoạt động của thư viện	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	BP Thư viện
05	[H3-3.6-05]	Hồ sơ kiểm kê thư viện hàng năm	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	BP Thư viện
06	[H3-3.6-06]	Hồ sơ mua sách báo	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	BP Thư viện
07	[H3-3.6-07]	QĐ công nhận thư viện đạt Tiêu chuẩn Mức độ 1	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	BP Thư viện
TIÊU CHUẨN 4. Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội					
<i>Tiêu chí 4.1. Ban đại diện cha mẹ học sinh.</i>					
01	[H4-4.1-01]	Biên bản họp cha mẹ học sinh của trường và các lớp	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	HT
02	[H4-4.1-02]	Kế hoạch, phương hướng hoạt động của BDD CMHS	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	HT
03	[H4-4.1-03]	Quy chế phối hợp giữa nhà trường và CMHS	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	HT
04	[H4-4.1-04]	Biên bản họp Ban đại diện CMHS	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	HT
05	[H4-4.1-05]	Hồ sơ vận động HS ra lớp.	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	HT
<i>Tiêu chí 4.2. Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường</i>					
01	[H4-4.2-01]	Các quy chế phối hợp	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	HT
02	[H4-4.2-02]	Các văn bản tham mưu, phối hợp của nhà trường với địa phương về công tác giáo dục	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	HT

03	[4.2-03]	Sổ liên lạc học sinh; hệ thống VnEdu.	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	BPCM
04	[H4-4.2-04]	Hồ sơ xã hội hóa giáo dục, vận động tài trợ	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	HT
05	[H4-4.2-05]	Kế hoạch viếng đài tưởng niệm, đài Gạc Ma; thăm gia đình có công với Cách mạng	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	Đội
06	[H4-4.2-06]	Hồ sơ công tác Đội TNTPHCM về Kế hoạch tổ chức các hội thi (Hội khỏe Phù Đổng, Văn nghệ MĐ-MX, Viết chữ đẹp, Vẽ tranh, Hùng biện Tiếng Anh, Hội vui trăng rằm,...)	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	Đội BPCM

TIÊU CHUẨN 5. Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Tiêu chí 5.1. Kế hoạch giáo dục của nhà trường

01	[H5-5.1-01]	Kế hoạch chuyên môn của nhà trường	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	BPCM
02	[H5-5.1-02]	Kế hoạch dạy học của tổ chuyên môn	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	BPCM
03	[5.1- 03]	Bảng Thông báo niêm yết Kế hoạch giáo dục	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	Bảng niêm yết

Tiêu chí 5.2. Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học

01	[H5-5.2-01]	Thời khóa biểu	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	BPCM
02	[5.2-02]	Lịch báo giảng	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	BPCM
03	[5.2-03]	Kế hoạch bài dạy của GV	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	BPCM

04	[H5-5.2-04]	Hồ sơ tập huấn GV đánh giá HS	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	BPCM
05	[H5-5.2-05]	Sổ tổng hợp kết quả chất lượng giáo dục	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	BPCM
06	[5.2-06]	Học bạ	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	VT
07	[H5-5.2-07]	Hồ sơ tổ chức các phong trào hội thi	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	BPCM
08	[H5-5.2-08]	Kết quả các cuộc thi của HS	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	BPCM
09	[H5-5.2-09]	Kế hoạch rèn luyện học sinh khó khăn về học	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	BPCM
10	[H5-5.2-10]	Kế hoạch dạy học sinh khuyết tật hòa nhập	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	BPCM
11	[H5-5.2-11]	Hồ sơ chuyên đề của trường	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	BPCM
12	[H5-5.2-12]	Biên bản sinh hoạt chuyên môn của trường	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	BPCM
13	[H5-5.2-13]	Hồ sơ Hội thi GV dạy giỏi cấp trường	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	BPCM
<i>Tiêu chí 5.3. Thực hiện các hoạt động giáo dục khác</i>					
01	[H5-5.3-01]	Kế hoạch hoạt động ngoài giờ lên lớp	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	BPCM
02	[H5-5.3-02]	Kế hoạch giáo dục kỹ năng sống	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	BPCM
03	[H5-5.3-03]	Hồ sơ các hoạt động ngoại khóa; Các CLB năng khiếu.	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	BPCM

04	[H5-5.3-04]	Hình ảnh hoạt động ngoại khóa	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	Châu Long
<i>Tiêu chí 5.4. Công tác phổ cập giáo dục tiểu học</i>					
01	[H5-5.4-01]	Văn bản phân công CB,GV,NV thực hiện công tác phổ cập (GV PCGD Trần Đắc Đại)	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	HT GV PCGD
02	[H5-5.4-02]	Hồ sơ tuyển sinh lớp 1	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	HT
03	[H5-5.4-03]	Kế hoạch thực hiện công tác phổ cập giáo dục tiểu học (GV PCGD Trần Đắc Đại)	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	GV PCGD
04	[H5-5.4-04]	Hồ sơ phổ cập giáo dục tiểu học (Sổ phổ cập; các biểu mẫu thống kê PCGDTH; các QĐ công nhận kết quả công tác PCGD từ năm 2019 đến 2023)	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	VT GV PCGD
<i>Tiêu chí 5.5. Kết quả giáo dục</i>					
01	[H5-5.5-01]	Báo cáo EQMS	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	BPCM
02	[H5-5.5-02]	Hồ sơ xét học sinh hoàn thành chương trình lớp học	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	BPCM
03	[H5-5.5-03]	Hồ sơ xét học sinh hoàn thành chương trình tiểu học ./.	2018-2019 đến 2022-2023	Trường TH Cam Linh	BPCM

-----HẾT-----